



BAO CAO THUONG NIEN  
ANNUAL REPORT 2006

[www.agifish.com.vn](http://www.agifish.com.vn)

AGIFISH



# AGIFISH

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

# 2006

## NỘI DUNG

Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị .....	3
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc .....	7
Công văn báo cáo kiểm toán của công ty A&C .....	12
Sơ đồ Tổ chức Công ty AGIFISH .....	14
Đối tác và khách hàng nói về AGIFISH .....	16
Báo cáo Thường niên 2006 .....	19
Bản Thuyết minh Báo cáo Tài chính .....	67
Báo cáo Kiểm toán của Công ty Kiểm toán A&C .....	87



# THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa toàn thể cổ đông !

Năm 2006, chúng kiến sự phát triển ngoạn mục của ngành thủy sản Việt Nam, vượt qua những khó khăn , thử thách , yêu cầu ngày càng cao của thị trường đưa kim ngạch xuất khẩu vượt ngưỡng 3 tỷ USD, hoàn thành vượt mức xuất sắc kế hoạch của Nhà nước giao. Đạt được thành tích trên trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt trên các thị trường thế giới và sự áp đặt ngày càng nhiều các loại rào cản thương mại , kỹ thuật của các nước nhập khẩu về dư lượng kháng sinh , thuế chống phá giá ... là nhờ sự đóng góp to lớn và tích cực của nhiều lĩnh vực trong ngành thủy sản, nhất là các doanh nghiệp chế biến thủy sản đã chủ động và tích cực tìm các giải pháp khắc phục khó khăn trong sản xuất , chế biến và tìm kiếm thị trường .Năm 2006, là năm bùng nổ thị trường sản phẩm cá tra, cá basa nhất là thị trường Balan và Nga. Diện tích nuôi và sản lượng nguyên liệu đã đạt mức 800.000 tấn Trong bối cảnh đó, Công ty Agifish với mô hình Liên hợp sản xuất cá sạch ( Agifish Pure Pangasius Union ) bao gồm những người sản xuất giống, người chăn nuôi cá, người cung cấp thức ăn, người cung cấp thuốc thú y thủy sản, người chế biến xuất khẩu nhằm mục tiêu cung ứng cho thị trường sản phẩm sạch, chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm đã được dư luận xã hội đánh giá rất cao. Thương hiệu Agifish luôn được khách hàng tin nhiệm. Sản lượng xuất khẩu 19.212 tấn đạt 116,42% so với kế hoạch, kim ngạch xuất khẩu 54,58 triệu USD đạt 121,28% so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế 50,67 tỷ đồng đạt 158,34% so với kế hoạch. Công ty Agifish là một trong những doanh nghiệp đã đạt nhiều giải thưởng về chất lượng, thành tích hoạt động sản xuất kinh doanh nhất trong năm.

Ông Ngô Phước Hậu

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị  
Tổng Giám Đốc Công ty AGIFISH

Được sự tín nhiệm của cổ đông , công ty đã thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy đông lạnh AGF9 và tổng kho 3000 tấn với số vốn 131 tỷ đồng huy động từ thị trường chứng khoán. Lần đầu tiên , công ty áp dụng cơ chế vừa là nhà đầu tư vừa trực tiếp thi công công trình, rút ngắn thời gian thực hiện dự án. Trong những ngày đầu năm 2007, nhà máy AGF9 đã được đưa vào sản xuất thử , đánh dấu bước phát triển mới kể cả trong lĩnh vực xây dựng, lắp đặt công trình công nghiệp. Tạo tiền đề cho Công ty đẩy mạnh hoạt động ở các lĩnh vực khác .

Năm 2007, Việt Nam chính thức là thành viên của Tổ chức thương mại quốc tế WTO đã mở ra vận hội mới cho đất nước . Ngành Thủy sản Việt Nam có cơ hội mở rộng thị trường , Agifish cũng đã có những bước chuẩn bị để sẵn sàng hội nhập kinh tế thế giới, chúng ta sẽ tiếp tục đầu tư nâng cấp , mở rộng cơ sở vật chất nhà xưởng , đồng thời liên doanh liên kết với các đơn vị cùng ngành để tạo ra sản lượng hàng hoá lớn. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại , xây dựng mối hợp tác kinh doanh với các nhà phân phối lớn , các hệ thống siêu thị , chuỗi các nhà hàng, các tổ chức dịch vụ thực phẩm tại các thị trường. Sắp tới Công ty Agifish sẽ triển khai áp dụng tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 cho các nhà máy chế biến để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Ngoài ra , cũng hết sức quan tâm xây dựng và phát triển thương hiệu Agifish cho các sản phẩm cá tra , cá basa do Công ty sản xuất để người tiêu dùng nhận biết được sản phẩm Agifish và tạo sự khác biệt với các sản phẩm cùng loại của các đối thủ .

Chủ trương của HĐQT Công ty là hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sang các lĩnh vực khác: xây dựng và lắp đặt các công trình công nghiệp, dân dụng, điện nước; kinh doanh bất động sản và các hoạt động có liên quan đến bất động sản và lĩnh vực tương đối mới mẻ là đầu tư tài chính.

Agifish đang hội đủ những điều kiện cần thiết để tăng tốc phát triển thành tập đoàn kinh tế mạnh , hoạt động đa ngành nghề . Muốn thế chúng ta cần phải tập trung vốn đầu tư cho các dự án tốt, xây dựng hệ

thống quản trị doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và đào tạo nguồn nhân lực. Trước mắt, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2007.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ nền kinh tế Việt Nam , tương lai đang rộng mở cho Công ty Agifish. Với những bước đi vững chắc , định hướng phát triển đúng đắn trong tiến trình hội nhập kinh tế thế giới, chúng ta tin chắc rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng hiệu quả, phát triển toàn diện . Mọi thành viên trong đại gia đình Agifish đều được thụ hưởng những thành quả tốt đẹp do chính mình làm nên.

Thay mặt Hội đồng quản trị , Ban Tổng Giám đốc kính chúc quý đại biểu , toàn thể cổ đông, cán bộ quản lý , công nhân lao động cùng gia đình dồi dào sức khoẻ hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng kính chào !

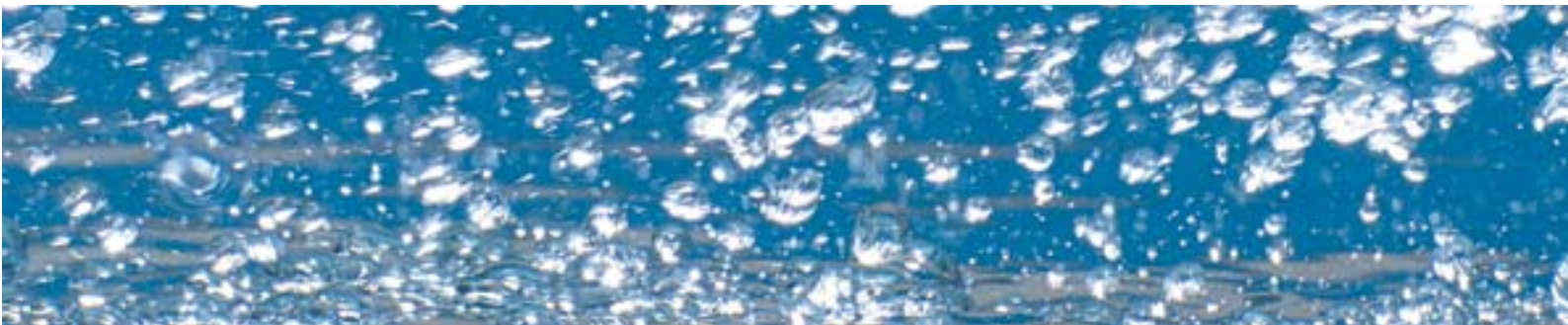
CTY CỔ PHẦN XNK THỦY SẢN AN GIANG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGÔ PHƯỚC HẬU





HACCP  
ISO9001:2000  
EU CODE  
SQF1000  
SQF2000  
GMP SSOP



# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC





# AGIF

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm 2006 đã được kiểm toán.

## Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty xuất nhập khẩu thủy sản An Giang theo Quyết định số 792/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Công ty niêm yết trên Thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 16/GPPH ngày 08/03/2002.

Trong năm 2006 Công ty được các cơ quan Nhà nước cấp các Công văn sau đây:

- Quyết định số 82/QĐ-UBCK ngày 8/2/2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp: chấp thuận Công ty niêm yết bổ sung 208.904 cổ phiếu tương đương 2.089.040.000 đồng.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000009 (đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 3/7/2006) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang và Quyết định số 493/QĐ-UBCK ngày 19/7/2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp: chấp thuận Công ty tăng vốn lên 63.880.340.000 đồng.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000009 (đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 6/10/2006) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang và Quyết định số 617/QĐ-UBCK ngày 4/10/2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp: chấp thuận Công ty tăng vốn lên 78.875.780.000 đồng.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000009 (đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 02/11/2006) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp: chấp thuận bổ sung ngành kinh doanh cho công ty là sản xuất, chế biến và mua bán dầu Biodiesel mỡ cá.

Vốn điều lệ: 78.875.780.000 đồng.

## Cơ cấu vốn cổ đông của Công ty đến ngày 15/11/2006:

- |  |        |
|--|--------|
| • Cổ đông Nhà nước                               | 11,13% |
| • Cổ đông đặc biệt (HĐQT, BGD, BKS)              | 8,28%  |
| • Cổ đông là cán bộ công nhân viên trong Công ty | 1,59%  |
| • Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài               | 47,6%  |
| • Cổ đông là nhà đầu tư trong nước               | 31,4%  |

## Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: số 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: 076 852368

Fax: 076 858734

E-mail: agifishagg@hcm.vnn.vn

Mã số thuế: 1600583588

**Hoạt động chính** của Công ty là sản xuất, kinh doanh, chế biến và xuất nhập khẩu thủy hải sản đông lạnh, nông sản thực phẩm, vật tư nông nghiệp.

## Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm 2006 của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này .

## Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2006 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

## Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Phước Hậu	Chủ tịch	30/03/2004	-
Ông Nguyễn Đình Huấn	Phó Chủ tịch	30/03/2004	-
Bà Phan Thị Lượm	Ủy viên	30/03/2004	-
Ông Phan Hữu Tài	Ủy viên	29/03/2005	-
Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến	Ủy viên	29/03/2005	-
Ông Võ Phước Hưng	Ủy viên	29/03/2006	-

Ông Hồ Xuân Thiên	Ủy viên	29/03/2006	-
Bà Huỳnh Thị Thanh Giang	Ủy viên	30/03/2004	-
Ông Võ Tông Xuân	Ủy viên	29/03/2005	-
Ông Lê Công Định	Ủy viên	29/03/2006	-
Ông Phù Thanh Danh	Ủy viên	29/03/2005	-

### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Phước Hậu	Tổng Giám đốc	28/07/2001	-
Ông Nguyễn Đình Huấn	Phó Tổng Giám đốc	10/08/2001	-
Bà Phan Thị Lượm	Phó Tổng Giám đốc	10/08/2001	-
Bà Huỳnh Thị Thanh Giang	Phó Tổng Giám đốc	02/03/2003	-

### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Văn Triều	Trưởng Ban Kiểm soát	30/03/2004	-
Nguyễn Thị Thanh Trúc	Thành viên	29/03/2006	-
Huỳnh Việt Nhân	Thành viên	29/03/2005	-

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

### Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính và bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ năm 2006 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ngô Phước Hậu - Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 01 năm 2007



Số: 0092/2007/BCTC-KTTV

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2006  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG

KÍNH GỬI: CỐ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2006 của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 26 tháng 01 năm 2007, từ trang .. đến trang .. kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

## Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Trong một vài trường hợp giá xuất thành phẩm đông lạnh xuất khẩu trong tháng 12 năm 2006 không theo phương pháp bình quân gia quyền.

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề trên đối với các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



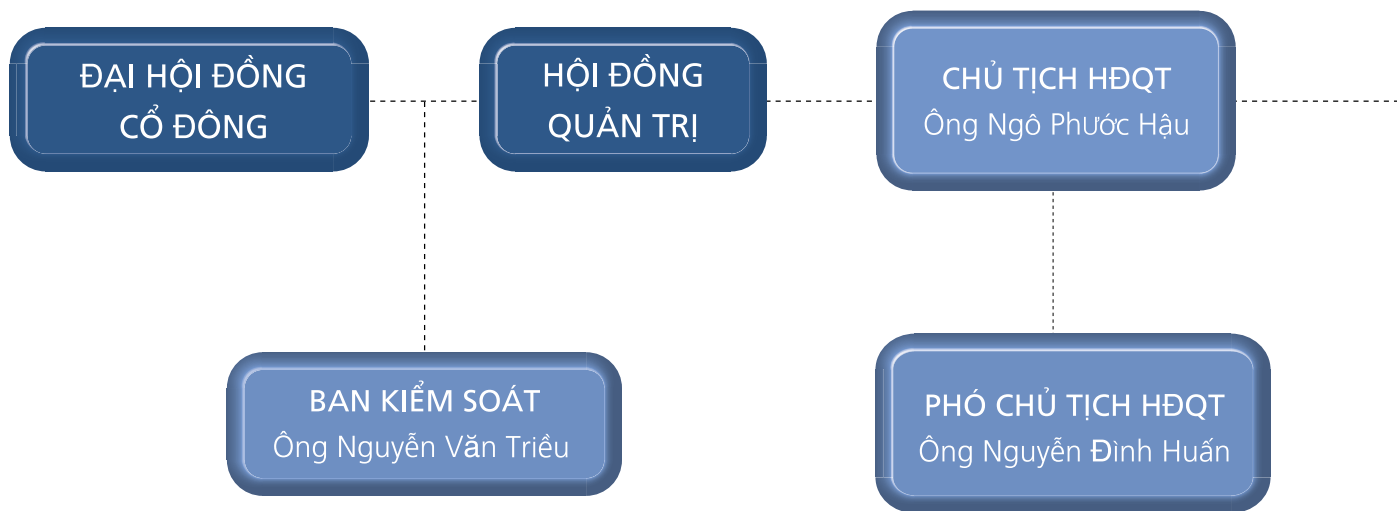
Lê Minh Tài – Phó Tổng Giám đốc  
Chúng chỉ kiểm toán viên số: Đ0084/KTV  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2007

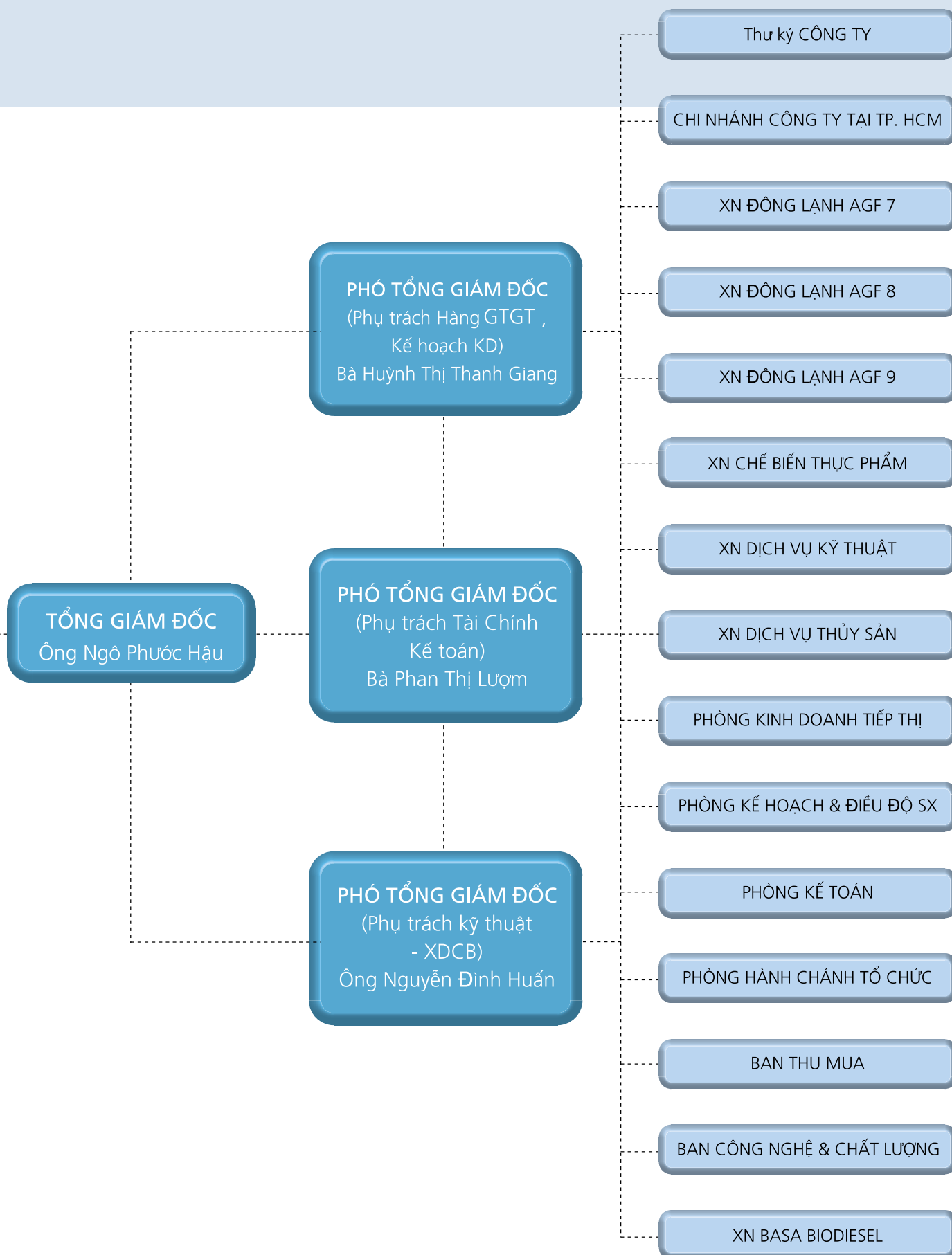
A handwritten signature in blue ink, which appears to be "Hồ Văn Tùng".

Hồ Văn Tùng - Kiểm toán viên  
Chúng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0092/KTV



# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG - AGIFISH







## Các Đối tác và Khách hàng nói về

# AGIFISH

---

---

Trước tiên chúng tôi cảm ơn sự hợp tác của Agifish trong những năm qua. Kailis Bros có mối quan hệ mua bán tốt với Agifish về sản phẩm cá basa fillet và chúng tôi đánh giá cao dịch vụ thương mại của Agifish. Sản phẩm của Agifish cung cấp cho Kailis tại thị trường Úc luôn luôn được khách hàng của chúng tôi chấp nhận.

Chúng tôi hy vọng rằng mối quan hệ thương mại giữa hai công ty sẽ luôn được phát triển bền vững trong tương lai.

Kailis Bros

---

---

Như là một đối tác lâu dài của Agifish, chúng tôi đánh giá cao hoạt động thương mại của Công ty về sự uy tín và tính chuyên nghiệp. Chất lượng sản phẩm luôn đáp ứng yêu cầu của chúng tôi. Agifish cung cấp cho chúng tôi các sản phẩm có màu sắc tốt, đóng gói bao bì đẹp, kích cỡ sản phẩm hợp lý, và phân phối đúng thời gian. Một vấn đề khác, chúng tôi luôn nhận kịp thời các ý kiến phản hồi nhanh chóng từ phía quý công ty. Đây là những lý do chúng tôi đặt mối quan hệ thương mại với Agifish.

DKSH

---

---

Công ty chúng tôi là Ng Fung Frozen Meats & Aquatic Products Co., Ltd, chúng tôi đã biết Agifish thông qua một tạp chí nổi tiếng. Ngay từ lúc đầu đặt mối quan hệ mua bán với Agifish qua điện thoại, chúng tôi nhận thấy rằng Agifish là một công ty lớn về chế biến cá Pangasius. Agifish đã và đang cung cấp sản phẩm Pangasius với số lượng ổn định, có giá cạnh tranh và chất lượng tốt. Đối với APPU, một mô hình mới về kiểm soát vùng nuôi, APPU đã trở thành Liên hợp có hiệu quả và mới nhất trong ngành nuôi trồng cá Pangasius và là nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định cả năm. Chúng tôi cảm ơn sự hợp tác của quý công ty và hy vọng luôn được củng cố trong tương lai.

Ng Fung Meats & Aquatic Products Co., Ltd,

---

---

Công ty AGIFISH là khách hàng lớn, mang tính chiến lược của Vemedim. Bộ phận kinh doanh thuốc thú y thủy sản của AGIFISH có tính chuyên nghiệp cao, phân phối sản phẩm của Vemedim ra thị trường với giá bán cạnh tranh và ổn định. Bảo quản sản phẩm tốt, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn GMP.

Công ty Cổ phần SXKD vật tư thuốc thú y:

Địa chỉ: số 7 đường 30/04, quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ.

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất kinh doanh thuốc thú y, thú y thủy sản

---

---

Chúng tôi đánh giá rất cao chủ trương sản xuất cá sạch thông qua Liên hợp sản xuất cá sạch của quý Công ty. Đó là một chủ trương đúng, góp phần phát triển bền vững nghề nuôi cá tra, basa ở đồng bằng sông Cửu Long. Riêng Xí nghiệp Dịch vụ Thủy sản có đội ngũ kỹ thuật giỏi, năng động, nhiệt tình và có kinh nghiệm cùng với các trang thiết bị hiện đại như: kính hiển vi, camera, các test đo môi trường.

Công ty TNHH TM NTTS Hương Giang:

Địa chỉ: 227 Thích Quảng Đức, P4, Q.Phú Nhuận, TP.HCM.

Lĩnh vực hoạt động: Nhà phân phối các chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản được nhập khẩu từ Hoa Kỳ và Thái Lan.

---

---

Xí nghiệp Dịch vụ Thủy sản thuộc Công ty AGIFISH có đội ngũ kỹ thuật giỏi, năng động, sẵn sàng hỗ trợ kỹ thuật cho người nuôi cá mọi lúc, mọi nơi với tinh thần làm việc có trách nhiệm cao. Các mặt hàng do Xí nghiệp cung cấp có chất lượng tốt, ổn định, giá cả cạnh tranh, phù hợp với tiêu chí nuôi cá sạch và được Bộ Thủy sản cho phép sử dụng.

Ông Phạm Văn Năm

Địa chỉ: 21/9A Khóm Mỹ Thọ, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang.

Hộ nuôi cá thuộc Liên hợp sản xuất cá sạch AGIFISH.

---

---

Proconco hãnh diện là đối tác tin cậy của AGIFISH – một Công ty với ban lãnh đạo tài năng, đội ngũ nhân viên rất năng động và sáng tạo. Một công ty luôn đi đầu trong đổi mới và phát triển trong ngành thủy sản. Liên hợp sản xuất cá sạch ra đời đáp ứng tốt nhu cầu cung cấp nguyên liệu sạch cho xuất khẩu và đảm bảo việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Chúng tôi tin tưởng vào sự phát triển nhanh và bền vững của AGIFISH.

Công ty sản xuất thức ăn gia súc, thủy sản Proconco:

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai.

Lĩnh vực hoạt động: Chuyên sản xuất thức ăn dùng trong chăn nuôi gia súc và thủy sản.

---

---

Công ty Agifish có đội ngũ kinh doanh chuyên nghiệp, luôn đáp ứng kịp thời các đơn hàng của Tổng đại lý. Bên cạnh, Agifish còn thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ bán hàng có hiệu quả cao cho Tổng đại lý như: hỗ trợ nhân viên thị trường, tổ chức hội nghị khách hàng, và nhiều chương trình xúc tiến thương mại, quảng cáo, khuyến mãi nhằm quảng bá thương hiệu Agifish và góp phần tăng doanh số thị trường phía Bắc.

Công ty TNHH TM & DV Thái Bình An Giang

Địa chỉ: 48 Quốc Bảo – Thanh Trì – Hà Nội

Là Tổng đại lý phân phối các sản phẩm Agifish tại miền Bắc Việt Nam.





# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2006





## I. Lịch sử hoạt động

Tên gọi Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG

Tên giao dịch: ANGIANG FISHERIES IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: AGIFISH Co.

Vốn điều lệ: 78.875.780.000 đồng (Bảy mươi tám tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng)

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

Điện thoại: (84.76) 852 939 – 852 368 – 852 783

Fax: (84.76) 852 202

E-mail: agifishagg@hcm.vnn.vn • agifish.co@agifish.com.vn

Website: www.agifish.com.vn

Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu số: 4.01.1.001/GP do Bộ Thương Mại cấp ngày 29/05/1995.

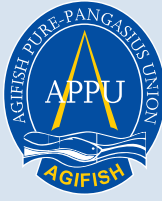
Quyết định chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần Số 792/QĐ-TTg do Thủ Tướng Chính phủ ký ngày 28 tháng 06 năm 2001.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000009 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh An Giang cấp

Đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 08 năm 2001

Đăng ký lần thứ 11 ngày 06 tháng 10 năm 2006

Mã số thuế: 16.00583588 -1



## Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh được cấp phép bao gồm

Sản xuất, chế biến và mua bán thủy, hải sản đông lạnh, thực phẩm (151), nông sản, vật tư nông nghiệp; mua vật tư nguyên liệu, hóa chất phục vụ cho sản xuất (không mang tính độc hại) (516); mua bán đồ uống các loại (5125) và hàng mỹ phẩm; sản xuất và mua bán thuốc thú y, thủy sản (24232-242320); sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản (1533); lắp đặt hệ thống cơ điện, thông gió, điều hòa cấp nhiệt (45319-453190), hệ thống làm lạnh, kho lạnh, điều hòa trung tâm(4534-453400), hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí (4532); chế tạo thiết bị cho ngành chế biến thực phẩm, thủy sản (2925); mua bán máy móc thiết bị chuyên ngành chế biến thực phẩm, chế biến thủy sản; lai tạo giống, sản xuất con giống; nuôi trồng thủy sản (05); Lắp đặt các hệ thống điện công nghiệp, dân dụng; lắp đặt đường dây trung, hạ thế và trạm biến áp; lắp đặt điện trong nhà (45321-453210); San lấp mặt bằng (4511); Xây dựng công trình dân dụng (4521), công nghiệp (45221-452210); Mua bán vật tư thiết bị cấp nước trong nhà (4513), thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (51431-514310); Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê (711); Dịch vụ nhà đất (7121-712111).

## Quá trình hình thành và phát triển của tổ chức niêm yết

- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An giang (AGIFISH Co) được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty xuất nhập khẩu thủy sản An giang theo Quyết định số 792/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 28 tháng 06 năm 2001, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp do Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 06 năm 1999.
- 01/09/2001, Công ty Agifish chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần và được cấp phép niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt nam ngày 8/3/2002.
- Năm 2000, Công ty Agifish được Nhà nước tặng danh hiệu “Anh Hùng Lao Động” và đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong ngành thủy sản.
- Liên tục các năm 2002 – 2003 – 2004 Công ty được tặng thưởng cờ thi đua của Chính phủ với thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh góp phần vào sự phát triển của ngành thủy sản Việt Nam.
- Công ty Agifish là thành viên của Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), và Phòng công nghiệp thương mại Việt Nam (VCCI).
- Agifish áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất: HACCP, ISO 9001:2000, Safe Quality Food 1000 (SQF 1000); Safe Quality Food (Safe Quality Food 2000), British Retail Consortium (BRC).
- Agifish được phép xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào thị trường EU với 3 code: DL07, DL08, DL360. Được cấp chứng chỉ HALAL để xuất khẩu sang cộng đồng người Hồi giáo trong và ngoài nước.
- Trên thị trường trong nước sản phẩm Basa Agifish là “Hàng Việt Nam chất lượng cao” liên tục từ năm 2002 đến 2007.

## Định hướng phát triển

- Xu hướng và nhu cầu tiêu thụ thủy sản thế giới từ nay đến năm 2020 tiếp tục tăng. Thủy sản ngày càng được người tiêu dùng ưa chuộng, đồng thời dân số thế giới vẫn tiếp tục tăng, mức sống của nhiều khu vực cũng được nâng cao, vì vậy nhu cầu về thủy sản sẽ ngày một cao hơn.. Nguồn cung cấp cho nhu cầu này chủ yếu từ nuôi trồng thủy sản. Riêng sản phẩm cá tra, cá basa đang được các nước nhập khẩu quan tâm xem như là sản phẩm thay thế cá thịt trắng có nguồn gốc từ các vùng biển nhờ giá cá tương đối thấp, chất lượng thơm ngon, sản lượng dồi dào và ổn định. Các nhà máy chế biến thủy sản tại châu Âu rất cần nguyên liệu cá tra & basa Việt Nam. Mặt khác thị trường đang được rộng mở như Balan, Nga, các nước Nam Mỹ... Đặc biệt, khi Việt Nam gia nhập WTO xuất khẩu

cá tra, cá basa sẽ dễ dàng hơn, sản lượng tiêu thụ sẽ còn tăng nhanh. Sản lượng cá tra & cá basa ước đạt trên 800.000 tấn nguyên liệu (năm 2006).

- Là doanh nghiệp đi tiên phong trong lĩnh vực chế biến cá tra, cá basa, Agifish có tiềm năng phát triển rất lớn do nhu cầu đối với sản phẩm này ở trong và ngoài nước. Ngành sản xuất cá tra, cá basa Việt Nam còn mới mẻ và có tốc độ phát triển rất nhanh. Sắp tới Agifish sẽ tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo ra sản lượng hàng hoá lớn, chất lượng đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường. Nghiên cứu nâng cao giá trị sản phẩm cá Pangasius bằng các sản phẩm chế biến giá trị gia tăng có bao bì đẹp và tiện dụng phân phối rộng rãi trong các hệ thống phân phối và ứng dụng công nghệ sản xuất các sản phẩm như: biodiesel, gelatin, bột nêm, dầu cá tinh chất dùng trong dược phẩm, bột cá, bột xương, ... từ cá tra, cá basa tạo thêm sản phẩm mới cho xã hội.

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng mối hợp tác kinh doanh với các nhà phân phối lớn, các hệ thống siêu thị, chuỗi các nhà hàng, các tổ chức dịch vụ thực phẩm tại các thị trường. Dự báo nhu cầu và diễn biến thị trường. Từng bước xây dựng hệ thống phân phối thủy sản Việt Nam tại nước ngoài.

- Công ty Agifish sẽ mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh bằng cách mua lại cổ phần, liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp khác. Đồng thời tham gia các lĩnh vực khác: xây dựng và lắp đặt các công trình công nghiệp, dân dụng, điện nước; kinh doanh bất động sản và các hoạt động có liên quan đến bất động sản. Đặc biệt là các hoạt động đầu tư tài chính.

- Agifish đặc biệt quan tâm xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực trong hội nhập kinh tế quốc tế, có chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và công nhân lao động.









## II. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị

### Tóm tắt số liệu tài chính năm 2006

ĐVT: VN đồng

Chỉ tiêu so sánh	Thực hiện		So sánh 2005	So sánh Kế hoạch
	2006	2005		
Tài sản ngắn hạn	274.879.281.482	150.771.452.849	182,31%	
Tài sản dài hạn	193.389.943.928	100.861.797.272	191,74%	
Tổng Doanh thu	1.198.316.529.750	790.966.271.434	151,50%	140,98%
Lợi nhuận trước thuế	50.670.277.168	25.548.945.370	197,63%	158,34%
Lợi nhuận sau thuế	46.615.992.666	22.355.327.200	203,27%	166,48%
Lãi cơ bản/CP	8.233	5.349		

## Các hoạt động chính :

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông năm 2005 và bầu lại 3 thành viên cũ vào HĐQT với nhiệm kỳ 2006 – 2009 .
- Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ 4 lần và 1 lần họp bất thường trong năm 2006. Nhiều chủ trương và định hướng chiến lược cho các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty được các thành viên thảo luận và kịp thời thông qua các nghị quyết về kế hoạch sản xuất kinh doanh, về tài chính, kế hoạch đầu tư và các vấn đề cụ thể khác nhằm giải quyết những vướng mắc trong cơ chế quản lý điều hành. Cụ thể nhất là HĐQT thống nhất cho thực hiện cơ chế vừa là chủ đầu tư vừa trực tiếp thi công công trình thông qua Ban quản lý các dự án xây dựng cơ bản giúp cho các dự án được triển khai nhanh chóng, tiến độ thi công các công trình được nhanh hơn, tiết kiệm rất nhiều thời gian và nhất là tạo được niềm tin cho các nhà đầu tư khi đồng vốn đầu tư bỏ ra sớm phát huy tác dụng.
- Tổ chức bộ máy :
  - Bổ nhiệm các cán bộ chủ chốt thuộc XNĐL AGF9, XN CBTP, XN DVTS, XN Basabiodiesel, Phòng kế toán, Phòng kế hoạch. Ban Công nghệ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới.
  - Thành lập Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, Xí nghiệp Basabiodiesel,
- Duy trì cơ chế giao quyền, cơ chế khoán cho từng đơn vị cơ sở
- Thị trường Châu Âu và Australia trở thành thị trường quan trọng của Công ty chiếm hơn 70%, sản lượng xuất sang thị trường Mỹ giảm đáng kể. Sản lượng xuất khẩu đạt 139% so với 2005. Có thêm nhiều khách hàng tại những thị trường mới mở như Balan, Nga...
- Thừa ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT nhất trí lựa chọn Công Ty A & C là Công Ty kiểm toán năm 2006.
- Chỉ đạo thực hiện đầu tư theo kế hoạch thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2005. Tổng giá trị đầu tư khoảng 150,973 tỷ đồng, kịp thời đưa các hạng mục đầu tư vào sử dụng và phát huy hiệu quả đầu tư.
- Tham dự buổi gặp gỡ giữa các công ty niêm yết với các nhà đầu tư do Câu Lạc bộ các nhà đầu tư tổ chức tạo mối quan hệ tốt giữa công ty với các nhà đầu tư .



- Hội đồng quản trị có dịp trao đổi cùng với lãnh đạo của Dragon Capital về vấn đề ứng dụng công tác IR (quan hệ với các nhà đầu tư) trong thực tế tại các doanh nghiệp Việt Nam. Bên cạnh đó cũng tiếp nhận nhiều thông tin bổ ích nhân sự kiện Việt Nam trở thành thành viên WTO.
- Giám sát việc công bố thông tin kịp thời, bảo đảm tính minh bạch. Website: [www.agifish.com.vn](http://www.agifish.com.vn) được tăng cường nhân sự nên nâng cao được hiệu quả hoạt động. Số lượng truy cập gia tăng đạt trên 80.000 lượt truy cập.
- Thông qua các mục tiêu chiến lược cho năm 2007. Cụ thể là kế hoạch sản xuất kinh doanh, các dự án đầu tư mở rộng sản xuất, thành lập Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng AGF, phương án huy động vốn trên thị trường chứng khoán, kế hoạch sửa chữa nâng cấp XNĐL8, XNĐL7 .
- Định hướng chiến lược yêu cầu phát triển Công Ty trong năm năm tới là :
  - Xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa
  - Đầu tư mở rộng sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm, mở rộng liên doanh liên kết.
  - Xây dựng và quảng bá thương hiệu để hội nhập kinh tế toàn cầu.
  - Hướng tới xây dựng tập đoàn Agifish hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực



ongshin Eng. & Const.	4,610	90	5,300,296
ongshin Steel Service	48,000	1,000	9,456
ongsuh	19,200	800	223,874
ongteuk	4,100	50	26,525
ongwha Enterprise	2,670	-40	63,122
ongwon Development	740	30	1,156,025
ongwon Venture Capital	9,770	280	2,557
ongwon Investment	5,000	500	1,070,100

## III. Báo cáo của ban Tổng giám đốc

### I. Báo cáo tình hình tài chính

#### Phân tích tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2005	Năm 2006
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	59,92	58,70
Tài sản dài hạn/ Tổng số tài sản	%	40,08	41,30
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	59,56	35,87
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	40,44	64,13
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,68	2,79
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,09	1,65
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,01	0,08
Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	3,25	4,25
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	2,84	3,91
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	10,15	10,82
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	8,88	9,95
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	22,30	15,52

• Giá trị sổ sách (tổng tài sản) tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo: 468,269,225,410 đồng

### Cổ phiếu, cổ tức

• Tổng số cổ phiếu thường:	7.887.578 cổ phiếu
• Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	7.887.578 cổ phiếu
• Cổ tức :	12%



## II. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

### • Về công tác tổ chức bộ máy và cán bộ quản lý:

- Thành lập Xí nghiệp Basabiodiesel và bổ nhiệm Ông Hồ Xuân Thiên vào chức vụ Giám Đốc Xí Nghiệp
- Bổ nhiệm Ông Phan Hữu Tài vào chức vụ Giám Đốc Xí nghiệp đông lạnh AGF9
- Bổ nhiệm Ông Phùng Đức Hùng Dũng vào chức vụ Phó trưởng phòng Tổ chức hành chính
- Bổ nhiệm Ông Phạm Quốc Khanh vào chức vụ Phó trưởng phòng kế hoạch và điều độ sản xuất.
- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Hữu Thiện vào chức vụ Phó Giám Đốc Xí nghiệp dịch vụ thủy sản.
- Bổ nhiệm Ông Phan Công Bằng vào chức vụ Trưởng ban công nghệ
- Bổ nhiệm Bà Phạm Thị Thanh Tâm vào chức vụ Phó Giám Đốc Xí nghiệp Chế biến thực phẩm
- Bổ nhiệm Ông Huỳnh Minh Thống vào chức vụ Phó trưởng phòng Kế toán
- Các cán bộ quản lý khác không có sự thay đổi so với năm 2006
- Thành lập Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản do TGD làm Trưởng ban.
- Giải thể Công ty Agifish USA tại Hoa kỳ.

### • Công tác điều hành quản lý sản xuất kinh doanh :

- Thị trường xuất khẩu cá tra, cá basa tăng trưởng mạnh nhờ các doanh nghiệp thực hiện tốt các chương trình quản lý chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm. Mặc dù gặp nhiều khó khăn do cơ sở vật chất không đáp ứng được yêu cầu sản xuất nhưng nhờ Công ty đẩy mạnh sản xuất kể cả gia công tại

các đơn vị khác nên sản lượng, kim ngạch xuất khẩu lợi nhuận đạt cao nhất từ trước đến nay. Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho gần 3.700 người. Agifish là doanh nghiệp đứng vị trí thứ 2 trong 10 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra, basa hàng đầu năm 2006.

## 10 DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU CÁ TRA, BASA HÀNG ĐẦU NĂM 2006

STT	DOANH NGHIỆP	KHỐI LƯỢNG (tấn)	GIÁ TRỊ (USD)
1	NAVICO	49.192	110.020.016
2	AGIFISH CO	19.212	54.581.618
3	VINH HOAN CO.,LTD	15.414	50.299.773
4	HV CO.,LTD	18.852	47.921.195
5	CASEAMEX	10.497	29.618.220
6	CÔNG TY TNHH THANH THIEN	12.990	26.991.145
7	THUAN HUNG CO	8.324	23.142.457
8	VD FOOD	6.828	22.748.598
9	Q.V.D FOOD CO	7.902	22.552.114
10	DOCIFISH	6.808	21.130.939

- Hàng giá trị gia tăng xuất khẩu phát triển khá, một số sản phẩm bao gồm cá xiên que tẩm gia vị các loại, cá tẩm bột chiên, cá cắt portion được khách hàng ở Bỉ, Đức ưa chuộng và mua hàng thường xuyên.

### DOANH SỐ VÀ SẢN LƯỢNG HÀNG GTGT XUẤT KHẨU NHƯ SAU:

- Sản lượng: 541 tấn
- Doanh số: 1.566.329 USD

### DOANH SỐ VÀ SẢN LƯỢNG HÀNG GTGT NỘI ĐỊA NHƯ SAU:

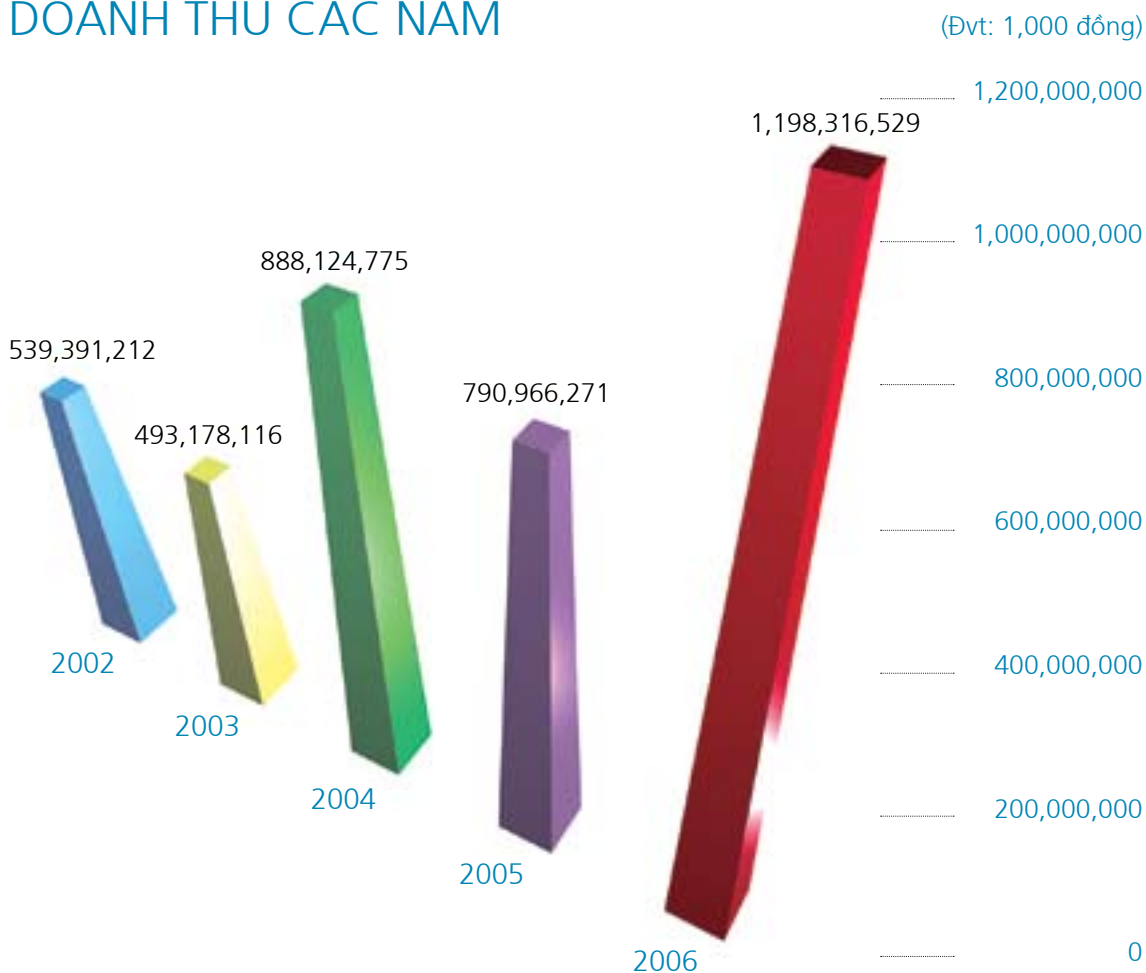
- Sản lượng: 2.098 tấn
- Doanh số: 43,854 tỷ đồng

- Doanh số các sản phẩm dịch vụ đạt khoảng 102,041 tỷ đồng. Trong đó tăng trưởng mạnh thức ăn thủy sản cung cấp cho các thành viên Liên hợp sản xuất cá sạch APPU là 17.000 tấn..

- Doanh thu năm 2006 có sự tăng trưởng vượt bậc đạt 1.198.316 tỷ đồng.



## DOANH THU CÁC NĂM

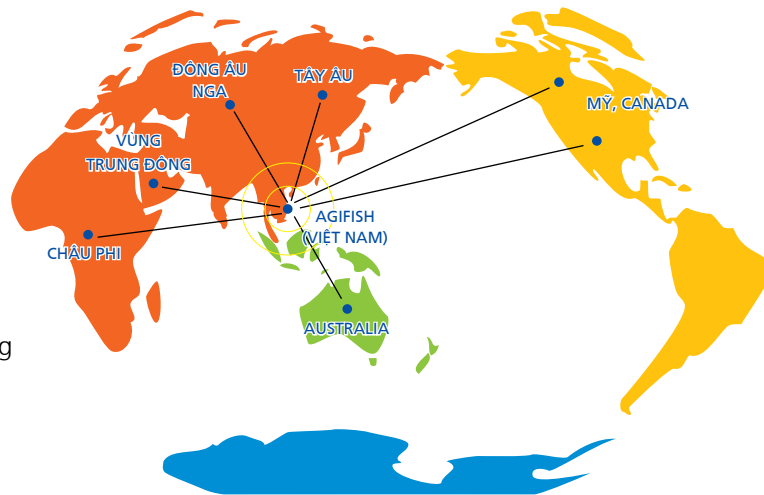


- Trong năm 2006, Công ty đã báo cáo thẩm định đề tài nghiên cứu sản xuất Biodiesel từ mỡ cá tra, cá basa trước Hội đồng khoa học Tỉnh An Giang do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang làm Chủ tịch Hội đồng. Đề tài đã được nghiệm thu và xếp loại xuất sắc với mục đích vừa nâng giá trị phụ phẩm sau khi chế biến phi-lê cá tra, cá basa xuất khẩu và tạo thêm sản phẩm mới cho xã hội tiêu dùng trước những biến động tăng giá xăng dầu hiện nay cũng vừa góp phần giảm thiểu tối đa vấn nạn ô nhiễm môi trường. Công ty cũng đã tổ chức sản xuất thử dầu biodiesel tại XN Basabiodiesel có chất lượng tốt.

### • Công tác xúc tiến thương mại và phát triển sản phẩm, thị trường:

- Phòng bán hàng thuộc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh có cả chuyên viên người nước ngoài làm tốt công tác tiếp thị, chăm sóc khách hàng. Công ty phân chia làm 8 thị trường theo thứ tự quan tâm :

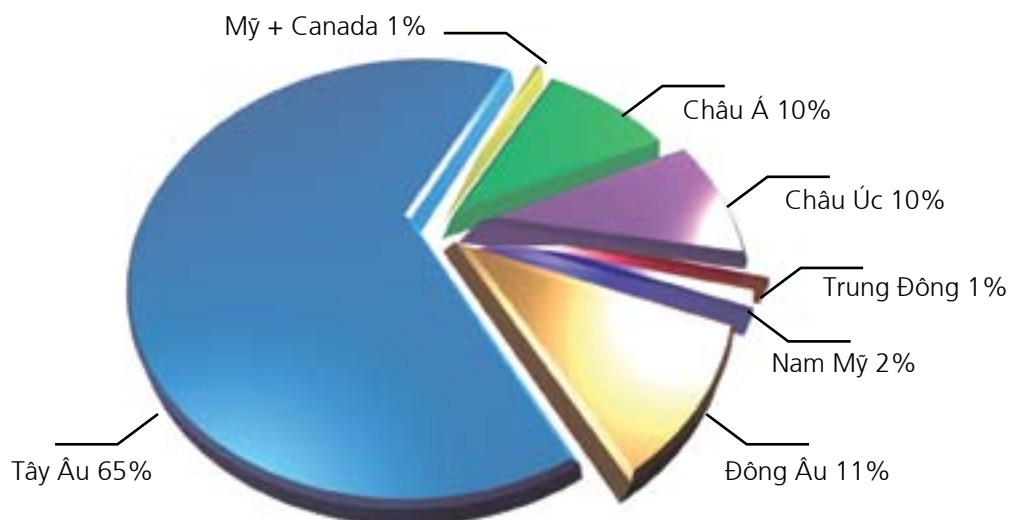
- o Tây Âu
- o Đông Âu và Nga
- o Australia
- o Mỹ và Canada
- o Châu Á
- o Nam Mỹ
- o Các nước vùng Trung Đông
- o Châu Phi



- Công tác xúc tiến thương mại thực hiện thường xuyên, có được một số khách hàng mới ở Đông Âu và Nga. Tham gia nhiều hội chợ quốc tế lớn trong và ngoài nước: Hội chợ Boston (Mỹ), Hội chợ Châu Âu (Brussel), hội chợ Dubai, hội chợ Balan, hội chợ Vietfish 2006, hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao.

### CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU NĂM 2006

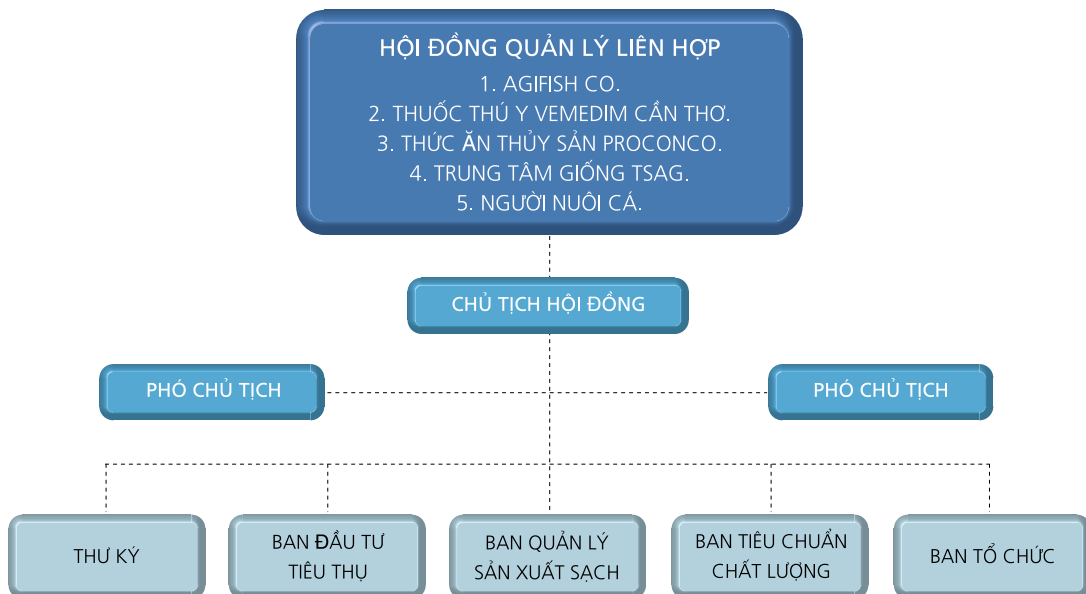
Phân tích thị trường năm 2006 - Tỷ lệ % kim ngạch (USD)



- Thực hiện ổn định nguồn nguyên liệu:

Sau một năm thành lập, Liên hợp sản xuất cá sạch với 32 thành viên chính thức và 18 thành viên dự bị, diện tích ao nuôi trên 800.000 m<sup>2</sup> đã có những thành công bước đầu trong việc tổ chức lại sản xuất, thực hiện cam kết cung cấp cá sạch, an toàn chất lượng cho Công ty. Năm 2006, các thành viên Liên hợp cung cấp cho các nhà máy đông lạnh của Công ty bình quân 180 tấn cá nguyên liệu/ngày. Mặc dù giá cả và sản lượng bên ngoài có biến động lớn nhưng Công ty vẫn có được nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định, đem lại niềm tin cho khách hàng.

### SƠ ĐỒ TỔ CHỨC LIÊN HỢP SẢN XUẤT CÁ SẠCH AGIFISH



### • Quản lý chất lượng:

- Chú trọng cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm. Quản lý tốt các định mức tiêu hao nguyên liệu, vật tư, bao bì, nâng cao năng suất hiệu quả.
- Tiếp tục áp dụng cơ chế giao quyền, cơ chế khoán cho các đơn vị cơ sở nhằm phát huy tính chủ động của cán bộ lãnh đạo các cấp.
- Thường xuyên tổ chức “tháng an toàn chất lượng” xem xét đánh giá việc quản lý chất lượng tại các Xí nghiệp, khắc phục các mối nguy có thể có thể ảnh hưởng đến an toàn vệ sinh thực phẩm
- Tổ chức chứng nhận VILAS thuộc Tổng cục đo lường chất lượng - Bộ khoa học và công nghệ là tổ chức công nhận các phòng thí nghiệm và hiệu chuẩn trong cả nước đã công nhận Phòng kiểm nghiệm của Công ty Agifish đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005. Đây là điều kiện để Công ty chủ động kiểm soát các hoạt động sản xuất có liên quan đến chất lượng sản phẩm hạn chế đến mức thấp nhất những rủi ro, sai lỗi trong quy trình sản xuất.
- Đạt được nhiều giải thưởng về chất lượng do các Bộ, Ngành TW và địa phương.

### • Thực hiện đầu tư:

- Thực hiện đúng các dự án đầu tư đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2006. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản lớn nhất từ trước đến nay.
- Thực hiện cơ chế vừa là chủ đầu tư vừa thực hiện thi công công trình thông qua hoạt động của Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản do Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc làm Trưởng ban.
- Mua tài sản tại TP HCM: mua nhà số 40 Nguyễn Thái Bình với giá 9,3 tỷ đồng làm showroom giới thiệu và cửa hàng kinh doanh hàng GTGT
- Tổng giá trị đầu tư trong năm ước khoảng 150 tỷ, trong đó riêng nhà máy đông lạnh AGF 9 và tổng kho 3000 tấn là 140 tỷ đồng
- Đã thực hiện và đưa vào sử dụng trong năm 2006 các dự án:
  - Cầu cảng và đường vận chuyển nguyên liệu cho XN AGF8
  - Di dời phân xưởng chế biến phụ phẩm (F10)
  - Phân xưởng sản xuất dầu biodiesel.



- **Hoạt động tài chính :**

- Phát hành 3,5 triệu cổ phiếu huy động vốn trên thị trường chứng khoán thu được 160 tỷ đồng để đầu tư nhà máy đông lạnh AGF9 và tổng kho 3000 tấn và một số dự án khác
- Đầu tư 5 tỷ đồng vào Quỹ cân bằng Prudential (PRUBF1)
- Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ tài chính kế toán theo quy định của Nhà nước, các báo cáo quý, năm thực hiện kịp thời chính xác.
- Thực hiện công bố thông tin kịp thời.
- Thực hiện tốt các chính sách thuế.
- Đảm bảo kịp thời nguồn vốn đầu tư và vốn kinh doanh:
- Năm 2006 Công Ty sử dụng đồng vốn có hiệu quả hơn nhờ quay nhanh vòng vốn, điều hành vốn vay linh hoạt giữa VNĐ và ngoại tệ để trả lãi suất thấp, tiết kiệm chi phí trả lãi vay ngân hàng.
- Vốn huy động từ thị trường chứng khoán để xây dựng XNĐL AGF9 và tổng kho 3000 tấn cũng được sử dụng một cách linh hoạt để giảm một phần vốn vay lưu động cho sản xuất cần thiết trong năm.

- **Các chính sách đối với người lao động:**

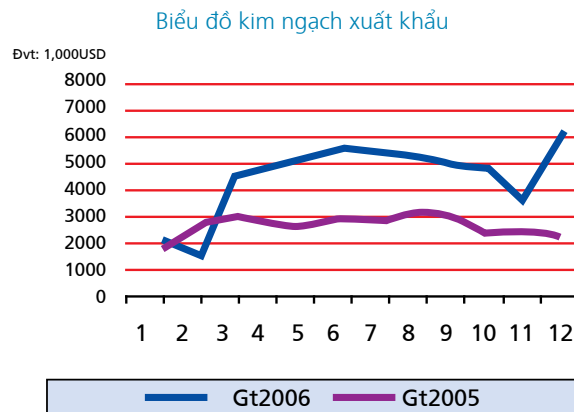
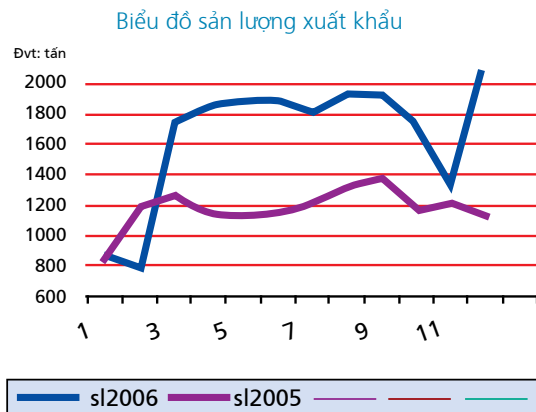
- Đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập của người lao động. Lương bình quân toàn công ty đạt 1.750.000đ/người/tháng.
- Trong năm 2006 số lao động tăng là 1638 người, giảm 660 người. Tổng số CB-CNV toàn công ty đến 31/12/2006 là 3.689 người (trong đó: Đại học 220 người, cao đẳng và trung cấp 225 người).
- Phối hợp với Công cổ phần xây dựng Sao Mai xây dựng cư xá Agifish với 96 phòng khá tiện nghi cho công nhân thuê. Cư xá đủ chỗ ở cho gần 600 công nhân cùng với các công trình phụ trợ như khu ăn uống, nhà giữ xe, công viên cây xanh.
- Trang bị đầy đủ công cụ, dụng cụ và bảo hộ lao động... tạo điều kiện tốt nhất để người lao động an tâm sản xuất.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ: hợp đồng lao động, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...
- Làm tốt các chế độ khen thưởng hàng năm, khen thưởng đột xuất và tổ chức cho nhiều đợt CB-CNV tham quan du lịch .

## KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Qua 12 tháng thực hiện, các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh hoàn thành so với cùng kỳ năm 2005 và kế hoạch năm 2006, cụ thể như sau:

- Sản lượng xuất khẩu đạt 19.212 tấn, đạt 116.42% so với cùng kỳ năm 2005 và đạt 119,98% so kế hoạch năm 2006.
- Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 59,73 triệu USD, đạt 139,62% so với cùng kỳ năm 2005 và đạt 132,73% so kế hoạch năm 2006.
- Tổng doanh thu đạt 1.198,3 tỷ đồng, đạt 151,5 % so với cùng kỳ năm 2005 và đạt 140,98% so kế hoạch năm 2006.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 50,67 tỷ đồng đạt 197,63% so với năm 2005 và 158,34 % so với kế hoạch 2006.

## BIỂU ĐỒ SO SÁNH SẢN LƯỢNG VÀ KIM NGẠCH XUẤT KHẨU



### III. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Nổi bật trong năm là những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý kịp thời đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể là Liên hợp sản xuất cá sạch (Agifish Pure Pangasius Union) đã trở thành mô hình liên kết tốt được Bộ Thủy sản công nhận và phổ biến nhân rộng trong toàn ngành. Đến nay, Liên hợp tiếp tục được củng cố và mở rộng, cung cấp thường xuyên cho Công ty sản phẩm cá sạch đáp ứng được yêu cầu của khách hàng. Việc thành lập Xí nghiệp Basa biodiesel đã định hướng phát triển cho một sản phẩm mới thân thiện với môi trường, nâng cao giá trị sản phẩm cá tra, cá basa, góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường.

- Phát huy lợi thế của công ty niêm yết, công ty đã tận dụng cơ hội thị trường chứng khoán phát triển nhảy vọt để huy động nguồn vốn cho xây dựng cơ bản, mở rộng quy mô sản xuất mà trước đó chưa có doanh nghiệp nào trong ngành thủy sản thực hiện.

- Trong xây dựng cơ bản đã triển khai thực hiện các dự án theo cơ chế quản lý mới; vừa là chủ đầu tư vừa tổ chức thi công xây lắp. Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản do Tổng Giám đốc làm trưởng ban để chỉ đạo thực hiện các dự án thật sâu sát, đảm bảo thi công công trình đúng tiến độ, chất lượng, giảm thiểu các chi phí trung gian đem lại hiệu quả cho công ty... Xí nghiệp dịch vụ kỹ thuật của Công ty là đơn vị thực hiện thi công công trình Xí nghiệp đông lạnh AGF9 và kho 3.000 tấn đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được Ban Giám đốc giao, chứng tỏ năng lực quản lý điều hành thi công các công trình tạo tiền đề mở rộng hoạt động sang lĩnh vực xây dựng làm cơ sở thành lập Công ty đầu tư và xây dựng AGF trong năm tới.

#### - Có thể điểm qua 10 sự kiện nổi bật của Công ty trong năm 2006:

1/ Lần đầu tiên Công ty phát hành cổ phiếu để huy động vốn mở rộng sản xuất trên 160 tỷ tương đương 3,5 triệu cổ phiếu và có vốn dư trên tài khoản tiền gửi

2/ Liên hợp sản xuất cá sạch APPU tròn 1 năm tuổi đánh dấu bước đi phù hợp với quy luật phát triển chung.

3/ Hoàn thành đưa vào sử dụng XNĐL AGF9 sau hơn 06 tháng đầu tư với tổng giá trị trên 141 tỷ, thu hút 1200 lao động nâng tổng số CBCNV lên 4100 người.

4/ AGIFISH được bộ thương mại đánh giá là điểm sáng về thương mại điện tử



- 5/ Báo cáo nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học “Sản xuất dầu Bio Diesel từ mỡ cá tra, basa.”
- 6/ AGIFISH là doanh nghiệp đạt nhiều giải thưởng có uy tín và chất lượng nhất trong năm
- 7/ Hoạt động sản xuất kinh doanh đạt cao nhất từ đến nay. Doanh thu vượt trên 1,100 tỷ đồng. Lợi nhuận trên 50 tỷ đồng.
- 8/ Hợp tác và đưa vào sử dụng cư xá AGIFISH gần 1000 chỗ ở dành cho công nhân lao động
- 9/ Hàng chế biến giá trị gia tăng thương hiệu AGIFISH tiếp tục khẳng định vị thế trên thị trường nội địa và xuất khẩu
- 10/ Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong năm tăng gấp 02 lần vốn điều lệ của Công ty

#### - Agifish là doanh nghiệp đạt được nhiều giải thưởng nhất trong năm:

- \* Giải thưởng chất lượng Việt Nam 2006 của Bộ khoa học và công nghệ
- \* Bằng khen của Bộ Thủy sản tặng cho Công ty sản xuất kinh doanh đạt kim ngạch xuất khẩu cao giai đoạn 2002 – 2006
- \* Công ty xuất khẩu thủy sản hàng đầu Việt Nam 2002 – 2006 của Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (Vasep)
- \* Cúp và bằng khen của Bộ Thương Mại tặng cho “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” 03 năm liền 2004-2006
- \* Bằng khen “Doanh nghiệp thành đạt năm 2006” của Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang
- \* Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu 2006 của Phòng công nghiệp và thương mại Việt Nam
- \* Cờ luân lưu cho đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2006 của Bộ Thủy sản
- \* Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2006
- \* Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2006
- \* Giải thưởng cho sản phẩm độc đáo dầu Biodiesel từ mỡ cá tra, cá basa



# APPU

AGIFISH PURE PANGASIUS UNION





## KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2007

### • Những thách thức:

Nghề nuôi cá tra, cá basa vùng ĐBSCL chưa thật ổn định và bền vững. Tình trạng ô nhiễm các yếu tố môi trường nước mặt liên quan đến nuôi trồng thủy sản, việc sử dụng thiếu kiểm soát các loại phân bón, thuốc trừ sâu và hoá chất, những mâu thuẫn trong việc sử dụng đất cho các hệ thống canh tác khác nhau là những nguy cơ tiềm ẩn trong phát triển thủy sản trước mắt và lâu dài. Trong lĩnh vực chế biến tuy đã đa dạng hoá sản phẩm so với trước nhưng chủ yếu vẫn là dạng fillet cấp đông đơn thuần, sản phẩm hàng GTGT chiếm tỷ lệ còn thấp. Công tác quản lý chất lượng có nhiều tiến bộ nhưng vẫn còn nhiều khó khăn nhất là trong kiểm soát nguồn nguyên liệu, việc truy nguyên nguồn gốc nguyên liệu vẫn còn là thách thức của toàn ngành. Trong tiêu thụ sản phẩm, các rào cản thương mại kỹ thuật của các nước nhập khẩu sẽ là những trở ngại mà các doanh nghiệp phải trải qua trong tiến trình hội nhập kinh tế. Cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước cũng như các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong ngành thủy sản cũng là thách thức không nhỏ.

### • Những cơ hội :

Việt Nam trở thành thành viên của WTO tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường. Tiềm năng phát triển kinh tế của vùng ĐBSCL còn rất lớn, nếu có được chiến lược đầu tư đúng hướng Agifish có thể mở rộng hoạt động của mình trên quy mô toàn khu vực.

Thị trường cá fillet thịt trắng trên thế giới tiếp tục được mở rộng. Với lợi thế cạnh tranh về chất lượng, giá cả, thương hiệu, sản phẩm cá tra, cá basa của Công Ty sẽ thâm nhập được nhiều thị trường. Hội nhập kinh tế quốc tế sẽ tạo cơ hội để Công ty đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các thị trường.



Nhiều dự báo tốt đẹp hứa hẹn thị trường chứng khoán tiếp tục phát triển nhanh chóng, là kênh huy động vốn hiệu quả của các doanh nghiệp. Bằng những dự án tốt thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư, Công ty sẽ có đủ điều kiện tăng tốc phát triển

• Một số định hướng mục tiêu:

**NGUYÊN LIỆU:**

- Đẩy mạnh hoạt động của Liên hợp sản xuất cá sạch, thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Kết nạp thêm các thành viên mới trong đó có thêm các thành viên để tăng sản lượng và một số nhà cung

cấp thức ăn lớn như Cargill, Ocialis. Xây dựng chiến lược sản phẩm cá sạch APPU để sản phẩm chất lượng mang logo APPU có sự khác biệt so với sản phẩm cùng loại.

- Trong tình hình cạnh tranh với các doanh nghiệp sản xuất cá tra, cá basa như hiện nay, có chiến lược đầu tư vùng nguyên liệu thông qua Liên Hợp Sản xuất cá sạch để ổn định nguyên liệu sản xuất cho các Xí nghiệp đông lạnh.

**TỔ CHỨC QUẢN LÝ SẢN XUẤT, THỊ TRƯỜNG, THƯƠNG HIỆU**

- Xí nghiệp đông lạnh AGF9 đi vào hoạt động góp phần nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm. Triển khai thực hiện dự án cải tạo nâng cấp Xí nghiệp đông lạnh AGF8 trong quý II/2007 và quý III/2007 Công ty duy trì ổn định sản xuất bình quân 200 tấn nguyên liệu/ngày. Đây là cố gắng lớn trong điều kiện vừa sản xuất vừa cải tạo nâng cấp nhà xưởng. Xí nghiệp đông lạnh AGF360 đẩy mạnh sản xuất hàng giá trị gia tăng, tăng tỷ trọng hàng giá trị gia tăng trong cơ cấu hàng xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng.

- Sắp xếp lại tổ chức các đơn vị trực thuộc, để bạt và bổ nhiệm một số cán bộ lãnh đạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Điều chỉnh lương cho cán bộ chủ chốt và thay đổi định mức khoán cho các đơn vị trực thuộc.

- Khai trương Phòng trưng bày sản phẩm tại Chi nhánh TP.HCM nhằm giới thiệu các sản phẩm chế biến cá tra, cá basa với khách hàng, quảng bá thương hiệu sản phẩm Basa Agifish

- Tiếp tục xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn chất lượng cho các Xí nghiệp theo yêu cầu của thị trường

**TÀI CHÍNH, GIÁ THÀNH, HIỆU QUẢ**

- Phát hành cổ phiếu huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư, tham gia các các hoạt động đầu tư tài chính.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể nguồn vốn kinh doanh cho năm 2007, trong đó xác định thị trường chứng khoán là kênh huy động vốn có hiệu quả trong điều kiện hiện nay. Hoạt động kinh doanh của



Công ty tốt, tình hình tài chính lành mạnh, cổ tức ổn định nên việc phát hành cổ phiếu để huy động vốn cho đầu tư sản xuất mở rộng được các nhà đầu tư quan tâm.

#### ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT :

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp nhà xưởng Xí nghiệp đông lạnh AGF8 để nâng công suất, năng lực chế biến đáp ứng nhu cầu sản xuất những tháng cuối năm 2007. Đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của thị trường với những đơn hàng lớn từ các hệ thống phân phối, đồng thời giữ vững tốc độ tăng trưởng của Công Ty

- Tiếp tục hoàn thành phân xưởng sản xuất Basa biodiesel của Công ty tại An Giang. Dự án liên doanh với Saigon Petro tại khu công nghiệp Trà Nóc sẽ triển khai khi có công bố tiêu chuẩn chất lượng quốc gia về sản phẩm Basa Biodiesel

- Đầu tư vào công ty con: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng AGF với cổ phần chi phối 51%. Công ty này sẽ hoạt động trong 4 lĩnh vực: Xây dựng dân dụng và công nghiệp, giao thông, cơ khí, cơ điện lạnh, sản xuất thức ăn gia súc, đầu tư tài chính



## KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2007

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2007
1. Sản lượng xuất khẩu	Tấn	28.000
2. Chỉ tiêu kim ngạch Xuất nhập khẩu		
• Kim ngạch xuất khẩu	USD	67.000.000
• Kim ngạch nhập khẩu	USD	5.000.000
3. Các chỉ tiêu tài chính		
• Tổng doanh thu	1.000Đ	1.500.000.000
• Lợi nhuận trước thuế	1.000Đ	70.000.000
• Lợi nhuận sau thuế	1.000Đ	63.000.000
• Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	4,66
• Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	4,20
• Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ	%	88,74
• Cổ tức trên vốn điều lệ	%	12

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

### Thực hiện các dự án đầu tư:

1. Các dự án thực hiện theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: (triệu đồng)

Danh mục đầu tư	Kế hoạch	Thực hiện
Xí nghiệp AGF9 + kho lạnh 3.000 tấn	101.462.300	131.147.347
Di dời phân xưởng chế biến bột cá, mỡ cá	7.700.000	1.833.579
<b>Tổng cộng</b>	<b>109.162.300</b>	<b>132.980.926</b>

2. Các hạng mục phát sinh đã thực hiện trong năm 2006:

1. Phân xưởng sản xuất dầu Bio Diesel	824.717.602 đồng
2. Cải tạo mở rộng nhà xưởng XNCBTP AGF 360:	2. 225.466.313 đồng
3. Nhà để xe của Xí nghiệp đông lạnh AGF7:	566.514.476 đồng
4. Đầu tư bến cảng & đường nội bộ của Xí nghiệp AGF8	4.125.620.390 đồng
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.742.318.781 đồng</b>



## KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2007

Các dự án đầu tư	Tổng vốn Đầu tư	Kế hoạch Thực hiện
1. Cải tạo và nâng cấp Xi Nghiệp đông lạnh AGF8	102.745.000.000	Quý II, Quý II/2007.
- Xây dựng nhà xưởng	19.252.000.000	
- Máy móc thiết bị	67.340.000.000	
- Chi phí khác + lãi vay + dự phòng	16.153.000.000	
2. Đầu tư vào Công ty con: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng AGF (với cổ phần chi phối 51%)	20.400.000.000	Quý II/2007
<b>Cộng</b>	<b>123.145.000.000</b>	

- Nguồn vốn:

- Vốn tự có: từ nguồn vốn khấu hao và quỹ đầu tư phát triển.
- Vốn huy động trên thị trường chứng khoán

## IV. Bản báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán được thể hiện trong phần phụ lục đính kèm.

## V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

### 1. Kiểm toán độc lập:

Tổ chức độc lập chịu trách nhiệm kiểm toán báo cáo tài chính năm 2005 của Công ty là: CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A & C)

- Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, TP HCM
- Điện thoại: 08. 8272295 Fax: 08. 8272300
- E-mail: a&c@hcm.vnn.vn

(Chi tiết và ý kiến trong phụ lục đính kèm)

### 2. Kiểm toán nội bộ: không

## VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/ vốn góp của Công ty: không có
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/ vốn góp do Công ty nắm giữ: không có





## VII. Tổ chức và nhân sự

### I. Cơ cấu bộ máy tổ chức:

- o Trụ sở chính Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.

Điện thoại: (84.76) 852 368 – 852 939 Fax: (84.76) 852 202

- o Chi nhánh Công ty tại TP. HCM:

Địa chỉ: 38 - 40 Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84.8) 825 1100 – 8211 485 – 829 9767. Fax: (84.8) 822 5022

- o Xí nghiệp đông lạnh AGF 7

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.

Điện thoại: (84.76) 854 241 Fax: (84.76) 852 202

- o Xí nghiệp đông lạnh AGF 8

Địa chỉ: Quốc lộ 91, thị trấn An châu, huyện Châu thành, Tỉnh An Giang.

Điện thoại: (84.76) 836 221 Fax: (84.76) 836 254

- o Xí nghiệp đông lạnh AGF 9

Địa chỉ: 2222 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.

Điện thoại: (84.76) 958999 Fax: (84.76) 958888

- o Xí nghiệp chế biến thực phẩm AGF 360

Địa chỉ: Phường Bình Đức, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

Điện thoại: (84.76) 857 590

- o Xí nghiệp dịch vụ thủy sản

Địa chỉ: Phường Bình Đức, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

Điện thoại: (84.76) 954 088

- o Xí nghiệp dịch vụ kỹ thuật

Địa chỉ: Phường Bình Đức, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

Điện thoại: (84.76) 858 848

- o Xí nghiệp Basabiodiesel

Địa chỉ: Quốc lộ 91, thị trấn An châu, huyện Châu thành, Tỉnh An Giang.

Điện thoại: (84.76) 651579 Fax: (84.76) 651579

Trong năm 2006 số lao động tăng là 1638 người, giảm 660 người. Tổng số CB-CNV toàn công ty đến 31/12/2006 là 3.689 người (trong đó: Đại học 220 người, cao đẳng và trung cấp 225 người).

## Thành phần Ban giám đốc điều hành



Bà Huỳnh Thị Thanh Giang

Bà Phan Thị Lụa

Ông Nguyễn Đình Huấn

Ông Ngô Phước Hậu

## II. Danh sách HĐQT, Ban Kiểm Soát, Ban Giám đốc:

(Số cổ phần nắm giữ của các thành viên tính đến 15/02/2007)

### II.1 Hội đồng quản trị:

#### 1. Ông Ngô Phước Hậu

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Agifish

Tổng Giám đốc Công ty Agifish

Số cổ phần nắm giữ : 102.008 cổ phần (1,29%)

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 08/06/1956

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 1234 Trần Hưng Đạo, TP Long Xuyên, An Giang

Trình độ văn hóa : Đại học

Trình độ chuyên môn : Cử nhân sinh hóa

Quá trình công tác

- 1995 – 2001 : Giám đốc công ty XNK Thủy sản An giang
- 2001 đến nay : Tổng giám đốc Công ty cổ phần Agifish, Phó chủ tịch Hiệp hội Vasep. Từ năm 2003 là thành viên Hội đồng quản trị Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam.

Những người có liên quan: không có

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

#### 2. Ông Nguyễn Đình Huấn

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Agifish

Phó Tổng Giám đốc Công ty Agifish

Số cổ phần nắm giữ : 67.828 cổ phần ( 0,86 %)

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 15/11/1953

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 24B Tôn Đức Thắng, TP Long Xuyên, An Giang

Trình độ văn hóa : Đại học

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện

Quá trình công tác

- 1995 - 2001 : Phó Giám đốc Công ty Agifish

- 2001 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Agifish

Những người có liên quan: không có

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

### 3. Bà Phan Thị Lụa

Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Agifish

Phó Tổng Giám đốc Công ty Agifish

Số cổ phần nắm giữ : 82.828 cổ phần (1,05%)

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 17/09/1949

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 45/10A phường Mỹ thanh, TP Long Xuyên, AG

Trình độ văn hóa : Đại học

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- 1995 – 2001 : Kế toán trưởng Công ty XNK Thủy sản An giang

- 2001 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Agifish

Những người có liên quan: không

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

### 4. Bà Huỳnh Thị Thanh Giang

Ủy viên Hội đồng quản trị

Phó Tổng Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ : 82.828 cổ phần (1,05%)

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 05/01/1962

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 206 hẻm 6, Trần Hưng Đạo, Mỹ Xuyên, LX-AG

Trình độ văn hóa : Đại học

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- 1985 -2001 : Công tác tại Công ty XNK Thủy sản An giang

- 2001 – 3/2003 : Kiểm soát trưởng Công ty Agifish

- Từ 4/2003 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Agifish

Những người có liên quan: Chồng: Nguyễn Ngọc Duyên, Số cổ phần nắm giữ: 12 cổ phần (0,00%)

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

### 5. Ông Phù Thanh Danh

Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Agifish

Giám đốc Chi nhánh Công ty Agifish tại Tp. HCM

Số cổ phần nắm giữ : 69.078 cổ phần (0,87%)



Ông Phù Thanh Danh

Ông Hồ Xuân Thiên

Ông Võ Thành Thông

Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến

Giới tính : Nam  
Ngày sinh : 10/02/1967  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Địa chỉ thường trú : 25 Thủ Khoa Nghĩa, TX Châu đốc, An Giang  
Trình độ văn hóa : Đại học  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy sản



Ông Võ Tông Xuân

Ông Lê Công Định

Ông Võ Phước Hưng

Ông Phan Hữu Tài

Quá trình công tác

- 1997 – 2001 : Công ty XNK Thủy sản An Giang, Phó Giám đốc chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh
- 2001 đến nay : Giám đốc chi nhánh công ty Agifish tại TP. HCM

Những người có liên quan: Vợ: Châu Ngọc Bích, Số cổ phần nắm giữ: 14.905 cổ phần (0,19%)

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

## 6. Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến

Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Agifish

Giám đốc Xí nghiệp đông lạnh 7, Công ty Agifish

Số cổ phần nắm giữ : 61.598 cổ phần (0,78%)

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 20/12/1959

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 580A/29 Bình Thới 2, Bình Khánh, Long Xuyên, AG

Trình độ văn hóa : Đại học

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghệ chế biến thực phẩm

Quá trình công tác

- 1995 -2001 : Công tác tại Công ty XNK Thủy sản An Giang
- 2001 đến nay : Giám đốc Xí nghiệp đông lạnh 7, Công ty Agifish

Những người có liên quan: không

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

## 7. Ông Phan Hữu Tài

Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Agifish

Trợ lý Tổng Giám đốc, Công ty Agifish

Số cổ phần nắm giữ : 41.976 cổ phần (0,53%)

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 14/09/1966

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 2B6 Trần Cao Vân, Tp. Long Xuyên, An Giang

Trình độ văn hóa : Đại học

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy sản

Quá trình công tác

- 1995 -2001 : Công tác tại Công ty XNK Thủy sản An giang
- 2001- 2005 : Giám đốc Xí nghiệp đông lạnh 8, Công ty Agifish
- 2006 : Trợ lý Tổng Giám đốc
- Tháng 1/2007 : Giám đốc XNĐL AGF 9

Những người có liên quan: không

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

## 8. Ông Võ Phước Hưng

Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Agifish

Thư ký Công ty Agifish

Số cổ phần nắm giữ : 29.278 cổ phần (0,37%)

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 28/06/1960

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 232 Thủ Khoa Huân, Phường B, TX Châu Đốc, AG

Trình độ văn hóa : Đại học

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nuôi trồng thủy sản

Quá trình công tác

- 1995 -2001 : Công tác tại Công ty XNK Thủy sản An giang
- 2001 đến 2004 : Giám đốc Xí nghiệp nuôi thủy sản, Công ty Agifish
- 2005 đến nay : Thư ký Công ty, Thư ký Tổng Giám Đốc

Những người có liên quan: Vợ: Triệu Thị Tươi, Số cổ phần nắm giữ: 151 cổ phần (0,002%)

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

## 9. Ông Hồ Xuân Thiên

Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Agifish

Giám đốc Xí nghiệp chế biến thực phẩm, Công ty Agifish

Số cổ phần nắm giữ : 40.794 cổ phần (0,52%)

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 30/01/1950

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 574A Võ Thị Sáu, Tp. Long Xuyên, An Giang

Trình độ văn hóa : Đại học

Trình độ chuyên môn : Cử nhân khoa học



Quá trình công tác

- 1991 – 2001 : Phụ trách phân xưởng chế biến phụ phẩm
- 2001 đến nay : Giám đốc Xí nghiệp CB thực phẩm, Công ty Agifish

Những người có liên quan: Vợ: Nguyễn Thị Cúc, Số cổ phần nắm giữ: 3.943 cổ phần (0,05%)

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

## 10. Ông Võ Tông Xuân

Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Agifish (thành viên bên ngoài)

Số cổ phần nắm giữ : 20.040 cổ phần (0,25%)

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 06/09/1940

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 25 Võ Thị Sáu, Tp. Long Xuyên, An Giang

Trình độ văn hóa : GSTS

Trình độ chuyên môn : Giáo sư Nông học

Quá trình công tác

- Hiệu trưởng trường Đại học An giang (từ 2/2000 đến nay)
- Ủy viên, Hội đồng quốc gia chính sách khoa học công nghệ (từ 1997 đến nay)
- Ủy viên, Hội đồng giải thưởng Hồ Chí Minh và Giải thưởng Nhà nước (từ 1995 đến nay)
- Ủy viên, Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam (từ 1994 đến nay)
- Ủy viên, Hội đồng cố vấn Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam (từ 1990 đến nay)
- Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Cần Thơ (từ 1999 đến nay)
- Ủy viên, Ủy ban cố vấn kỹ thuật, Nhóm tài trợ nghiên cứu nông nghiệp thế giới (từ 1/1/2000 đến nay)
- Ủy viên, Ban cố vấn cao cấp, Viện nghiên cứu về Quản trị Canada (từ 9/1995 đến nay)
- Ủy viên, Hội đồng quản trị, Viện Quản lý Á châu (Philippin từ 1997 đến nay)
- Ủy viên, Hội đồng cố vấn chính sách Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp quốc tế Ôt-xtrây-lia (từ 11/1997 đến nay)
- Ủy viên, Hội đồng cố vấn Diễn đàn nghiên cứu các vấn đề phát triển Á châu (từ 1/2001)
- Ủy viên, Hội đồng quản trị Quỹ Rockefeller (từ 1/1/2002 đến nay)
- Ủy viên, Hội đồng quản trị Trung tâm Phát triển bền vững vùng lưu vực sông Mê Kông (từ 4/2003)

Những người có liên quan: không có

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

## 11. Ông Lê Công Định

Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Agifish (thành viên bên ngoài)

Số cổ phần nắm giữ : 15.000 cổ phần ( 0,19 % )  
 Giới tính : Nam  
 Ngày sinh : 01/10/1968  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Địa chỉ thường trú : 163/8 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q. Bình Thạnh, TPHCM  
 Trình độ văn hóa : Cao học  
 Trình độ chuyên môn : Luật sư  
 Quá trình công tác

- : Công tác tại Phòng Công chứng Thành phố HCM.
- : Luật sư – Đoàn Luật sư Thành phố HCM
- : Luật sư – Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam
- Từ 1994 đến 1998 : Công tác tại Văn phòng Luật sư TP. HCM
- 1998 – 2000 : học và làm việc tại Mỹ
- Từ 2001 đến nay : Luật sư – Công ty luật YKVN

Những người có liên quan: không có

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

## II.2 Ban Kiểm soát

### 1. Ông Nguyễn Văn Triều

Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Agifish

Nhân viên phòng kế toán, công ty cổ phần Agifish

Số cổ phần nắm giữ : 4.840 cổ phần ( 0,06 % )

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 1965

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 15/8 ấp Mỹ chánh, xã Mỹ Đức, Châu phú, AG

Trình độ văn hóa : Đại học

Trình độ chuyên môn : Trung cấp tài chính kế toán

Quá trình công tác

- 1997 – 2000 : Kế toán trưởng XN nuôi cá bè và CB nước mắm Công ty Agifish
- 2001 đến nay : Nhân viên phòng kế toán Công ty Agifish

Những người có liên quan: không có

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

## 2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc

Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Agifish

Số cổ phần nắm giữ : 16.196 cổ phần (0,20%)

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 27/06/1961

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 1/12 Nguyễn Xí, P. Mỹ Bình, TP Long Xuyên, AG

Trình độ văn hóa : Đại học

Trình độ chuyên môn : Trung cấp Tài chính kế toán

Quá trình công tác

- 1991 - 2002 : Công tác tại Công ty XNK Thủy sản An giang
- 2003 đến nay : Kiểm soát trưởng Công ty Agifish

Những người có liên quan: không

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

## 3. Ông Huỳnh Việt Nhân

Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Agifish

Giám đốc Công ty cổ phần vận tải lạnh An giang

Số cổ phần nắm giữ : 1.256 cổ phần (0,02%)

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 25/08/1968

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 257B/13 Bình thới, Bình khánh, An Giang

Trình độ văn hóa : Đại học

Trình độ chuyên môn : Trung cấp kế toán

Quá trình công tác

- 1989 - 1998 : Kế toán viên Công ty XNK Thủy sản An giang
- 1999 - 2002 : Kế toán trưởng Cty CP vận tải lạnh An giang
- 2003 đến nay : Giám đốc Công ty cổ phần vận tải lạnh An giang

Những người có liên quan: không có

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

## Thành phần Ban kiểm soát



Ông Nguyễn Văn Triều

Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc

Ông Huỳnh Việt Nhân

### II.3 Ban Giám đốc (Ban Giám đốc là thành viên của HĐQT)

- Ông Ngô Phước Hậu - Tổng Giám đốc Công ty ( Xem phần trên)
- Ông Nguyễn Đình Huấn - Phó Tổng Giám đốc Công ty ( Xem phần trên)
- Bà Phan Thị Lụa - Phó Tổng Giám đốc Công ty ( Xem phần trên)
- Bà Huỳnh Thị Thanh Giang - Phó Tổng Giám đốc Công ty ( Xem phần trên)

## VIII. Thông tin cổ đông và quản trị công ty

### I. Tổng quan về HĐQT:

**Số lượng thành viên** 11 người. Trong đó : + Thành viên bên trong : 9 người  
+ Thành viên bên ngoài : 2 người

#### Nhiệm kỳ

Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ	Ghi chú
1. Ngô Phước Hậu	Chủ Tịch HĐQT	2004 – 2007	
2. Nguyễn Đình Huấn	Phó Chủ Tịch HĐQT	2004 – 2007	
3. Phan Thị Lượm	Thành viên	2004 – 2007	
4. Huỳnh Thị Thanh Giang	Thành viên	2004 – 2007	
5. Võ Tông Xuân	Thành viên	2005 – 2008	
6. Phan Hữu Tài	Thành viên	2005 – 2008	
7. Nguyễn Thị Hoàng Yến	Thành viên	2005 – 2008	
8. Phù Thanh Danh	Thành viên	2005 – 2008	
9. Hồ Xuân Thiên	Thành viên	2006 - 2009	Được bầu lại vào ĐHTN 2005
10. Võ Phước Hưng	Thành viên	2006 - 2009	Được bầu lại vào ĐHTN 2005
11. Lê Công Định	Thành viên	2006 - 2009	Được bầu lại vào ĐHTN 2005

#### Đặc điểm:

- Có 3 thành viên được Đại hội cổ đông tín nhiệm bầu lại vào HĐQT tại Đại hội thường niên 2005 ngày 29 tháng 3 năm 2006 có nhiệm kỳ 2006 – 2009.
- Số lượng thành viên ổn định không có thành viên mới.
- Các thành viên của Hội đồng tiếp tục kiêm nhiệm công tác quản lý điều hành theo tín nhiệm của Đại hội đồng cổ đông: Tổng Giám Đốc điều hành kiêm Chủ Tịch HĐQT.
- Không có các ban chuyên trách của HĐQT mà hoạt động lồng ghép với các Hội đồng của Ban quản lý điều hành.



## II. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của HĐQT :

1. Chế độ họp định kỳ hàng quý của HĐQT được thực hiện nghiêm chỉnh theo điều lệ tổ chức hoạt động của Công Ty.
2. Chương trình, nội dung và tài liệu họp được gửi trước cho các thành viên để các thành viên có thời gian chuẩn bị và tham gia đóng góp ý kiến. Tuy nhiên đôi lúc khâu chuẩn bị không được tốt lắm do một số các thành viên có báo cáo trong các kỳ họp thường gửi chậm
3. Việc kiêm nhiệm quản lý điều hành của các thành viên HĐQT vừa mang yếu tố thuận lợi vừa có những mặt hạn chế nhất định. Trong thành phần HĐQT có 2 thành viên độc lập đem lại cho Hội đồng những ý kiến khách quan trong xây dựng các mục tiêu chiến lược và hoạch định chính sách phát triển Công Ty
4. Nhờ các phương tiện thông tin hiện đại như E-mail, điện thoại di động, Fax... nên thông tin liên hệ giữa các thành viên nhanh chóng kịp thời, phối hợp hoạt động với các thành viên quản lý điều hành Công Ty tốt hơn.

5. Đảm bảo thực hiện chế độ thù lao cho các thành viên HĐQT theo tinh thần nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về thù lao cho HĐQT và Ban KS. Cụ thể :

- Quý 1 : 152.000.000 đ
- Quý 2 : 248.000.000 đ
- Quý 3 : 320.000.000 đ
- Quý 4 : 280.000.000 đ

Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận
1. Ngô Phước Hậu	Chủ Tịch HĐQT	114.893.617
2. Nguyễn Đình Huấn	Phó Chủ Tịch HĐQT	76.595.745
3. PhanThị Lượm	Thành viên	76.595.745
4. Huỳnh Thị Thanh Giang	Thành viên	76.595.745
5. Võ Tòng xuân	Thành viên	99.574.468
6. Phan Hữu Tài	Thành viên	38.297.872
7. Nguyễn Thị Hoàng Yến	Thành viên	38.297.872
8. Phù Thanh Danh	Thành viên	38.297.872
9. Hồ Xuân Thiên	Thành viên	38.297.872
10. Võ Phước Hưng	Thành viên	38.297.872
11. Lê Công Định	Thành viên	84.255.320
<b>CỘNG</b>		<b>1.000.000.000 đ</b>

6. Đề nghị Đại hội cổ đông trích thưởng HĐQT và Ban kiểm soát trong năm 2006 do hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận với mức chi 15% phần vượt kế hoạch bằng 2.310.055.434 đồng

### III. Kết quả thực hiện:

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông năm 2005 và bầu lại 3 thành viên cũ vào HĐQT với nhiệm kỳ 2006 – 2009 .
- Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ 4 lần và 1 lần họp bất thường trong năm 2006. Nhiều chủ trương và định hướng chiến lược cho các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty được các thành viên thảo luận và kịp thời thông qua các nghị quyết về kế hoạch sản xuất kinh doanh, về tài chính, kế hoạch đầu tư và các vấn đề cụ thể khác nhằm giải quyết những vướng mắc trong cơ chế quản lý điều hành. Cụ thể nhất là HĐQT thống nhất cho thực hiện cơ chế vừa là chủ đầu tư vừa trực

tiếp thi công công trình thông qua Ban quản lý các dự án xây dựng cơ bản giúp cho các dự án được triển khai nhanh chóng, tiến độ thi công các công trình được nhanh hơn, tiết kiệm rất nhiều thời gian và nhất là tạo được niềm tin cho các nhà đầu tư khi đồng vốn đầu tư bỏ ra sớm phát huy tác dụng.

- Tổ chức bộ máy :
- Bổ nhiệm các cán bộ chủ chốt thuộc XNĐL AGF9, XNCBTP, XNDVTS, XN Basabiodiesel, Phòng kế toán, Phòng kế hoạch. Ban Công nghệ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới.
- Thành lập Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, Xí nghiệp Basabiodiesel,
- Duy trì cơ chế giao quyền, cơ chế khoán cho từng đơn vị cơ sở
- Thị trường Châu Âu và Australia trở thành thị trường quan trọng của Công ty chiếm hơn 70%, sản lượng xuất sang thị trường Mỹ giảm đáng kể. Sản lượng xuất khẩu đạt 139 % so với 2005 Có thêm nhiều khách hàng tại những thị trường mới mở như Balan, Nga...
- Thừa ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT nhất trí lựa chọn Công Ty A & C là Công Ty kiểm toán năm 2006.
- Chỉ đạo thực hiện đầu tư theo kế hoạch thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2005. Tổng giá trị đầu tư khoảng 150 tỷ đồng, kịp thời đưa các các hạng mục đầu tư vào sử dụng và phát huy hiệu quả đầu tư.
- Tham dự buổi gặp gỡ giữa các công ty niêm yết với các nhà đầu tư do Câu lạc bộ các công ty niêm yết tổ chức tạo mối quan hệ tốt giữa công ty với các nhà đầu tư .
- Hội đồng quản trị có dịp trao đổi cùng với lãnh đạo của Dragon Capital về vấn đề ứng dụng công tác IR (quan hệ với các nhà đầu tư) trong thực tế tại các doanh nghiệp Việt Nam. Bên cạnh đó cũng tiếp nhận nhiều thông tin bổ ích nhân sự kiện Việt Nam trở thành thành viên WTO.
- Giám sát việc công bố thông tin kịp thời, bảo đảm tính minh bạch. Website: [www. agifish.com.vn](http://www.agifish.com.vn) được tăng cường nhân sự nên nâng cao được hiệu quả hoạt động. Số lượng truy cập gia tăng đạt trên 80.000 lượt truy cập.
- Thông qua các mục tiêu chiến lược cho năm 2007. Cụ thể là kế hoạch sản xuất kinh doanh, các dự án đầu tư mở rộng sản xuất, thành lập Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng AGF, phương án huy động vốn trên thị trường chứng khoán, kế hoạch sửa chữa nâng cấp XNĐL AGF 8 .
- Định hướng chiến lược yêu cầu phát triển Công Ty trong năm năm tới là :
- Xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa
- Đầu tư mở rộng sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng liên doanh liên kết.
- Xây dựng và quảng bá thương hiệu để hội nhập kinh tế toàn cầu.
- Hướng tới xây dựng tập đoàn Agifish hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực



## IV. Kế hoạch nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị :

- Thành lập bộ phận IR (Investor Relation) do 1 phó TGĐ phụ trách nhằm tăng cường mối quan hệ giữa công ty và cộng đồng đầu tư qua đó xây dựng hình ảnh công ty ngày càng tốt đẹp đối với các nhà đầu tư, làm gia tăng giá trị của Công ty giúp cho Công ty huy động vốn dễ dàng hơn và cổ phiếu có tính thanh khoản cao...
- Trang Web của Công ty được thiết kế lại bổ sung thêm phần IR để việc triển khai hoạt động của bộ phận IR thuận lợi hơn
- Tăng cường hoạt động phối hợp của các thành viên với hoạt động của Ban quản lý điều hành Công Ty theo kịp quy mô phát triển của Công Ty khi mở rộng sang các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác.
- Công bố thông tin nhanh chóng và kịp thời, kể cả thông tin thuận lợi hay bất lợi thông qua trang Web của Công ty.
- Các thành viên phải tự nâng cao năng lực quản trị của mình thông qua việc tham gia các lớp đào tạo về quản trị để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác đóng góp nhiều cho định hướng chiến lược phát triển trên nhiều lĩnh vực khi Công ty mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh.

## Các dữ liệu thống kê về cổ đông

### 1. Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
1. Cổ đông Nhà nước	877.611	11,13%
2. Cổ đông đặc biệt (HĐQT, BGD, BKS, Cổ đông sáng lập)	642.708	8,15%
2. Cổ đông CB – CNV Công Ty	117.810	1,49 %
3. Cổ đông ngoài Công Ty		
a. Cổ đông trong nước	2.345.544	29,74%
- Tổ chức	1.477.400	18,73%
- Cá nhân	868.144	11,01%
b. Cổ đông nước ngoài	3.903.905	49,49%
- Tổ chức	3.811.758	48,33%
- Cá nhân	92.147	1,16%

## 2. Tình hình giao dịch liên quan đến cổ đông lớn:

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty (xác định đến 15/02/2007)

TT	Tên Họ	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ
1	Cổ đông Nhà nước – Đại diện là Ông Ngô Phước Hậu	1234 Trần Hưng Đạo, Tp. Long Xuyên, An Giang	877.611	11,13%
2	Wareham Group Limited	Offshore Incorporations Limited, P.O Box 957, Offshore Incorporation Centre, Road, Australia	874.930	11,09%
3	Vietnam Emerging Equity Fund Ltd	58 Đồng Khởi, Quận 1, TPHCM	638.492	8,09%
4	PXP Vietnam Fun Limited	Card corporate services Ltd, 2nd Floor, Zephyr house, Mary Street, P.O Box 709, United Kingdom	632.590	8,02%
5	Vietnam Dragon Fun Limited	02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TPHCM	616.416	7,82%
6	Amersham Industrial LTD	1091 MêLinh Point Tower, Số 2 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	360.000	4,56%

- Số lượng cổ đông ngoài tổ chức phát hành: 1.047

- Số lượng cổ phần nắm giữ của các cổ đông ngoài tổ chức phát hành: 6.249.449

Công ty cổ phần XNK Thủy sản An Giang

Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc







# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2006





## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - chế biến
3. Ngành nghề kinh doanh: sản xuất, kinh doanh, chế biến và xuất nhập khẩu thủy hải sản đông lạnh, nông sản thực phẩm, vật tư nông nghiệp.
4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Trong năm 2006 Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu ra thị trường chứng khoán giúp Công ty tăng một số lượng vốn đáng kể so với năm trước (tăng 3,66 lần). Điều này đã góp phần giúp công ty mở rộng quy mô sản xuất và thị trường.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 là năm tài chính thứ 6 của Công ty cổ phần.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

## III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các

khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	2 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 5

### 6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.



Trong năm 2006, căn cứ vào Kế hoạch chi lương bổ sung ngày 18/3/2006 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Công ty đã trích bổ sung chi phí nhân công (tiền lương và kinh phí công đoàn) là 22,44 tỷ đồng. Công ty đã dùng một phần khoản này để khen thưởng cho cán bộ công nhân viên. Số dư còn lại của khoản này là 14.545.082.079 đồng.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong kỳ.

## 12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

## 13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

## 14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

## 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo theo Công văn số 1202/CT-NV ngày 4/10/2001 của Cục thuế tỉnh An Giang. Ngoài ra, theo Công văn số 11924/TC/CST ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính công ty còn được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong một năm tiếp theo kể từ khi hết thời hạn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như đã nêu trên.

Theo công văn số 11026/BTC-CST ngày 8/9/2006 của Bộ Tài chính, từ ngày 1/1/2004 Công ty được chuyển sang áp dụng thuế suất 20% cho khoảng thời gian ưu đãi còn lại (hết năm 2010).

Năm 2006, Công ty còn trong thời hạn được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp. Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm được bổ sung Quỹ đầu tư phát triển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.



Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

#### 16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2005	:	15.875 VND/USD
	31/12/2006	:	16.101 VND/USD

#### 17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.4.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.598.591.606	1.159.338.914
Tiền gửi ngân hàng	10.362.809.503	630.040.805
Cộng	12.961.401.109	1.789.379.719

### 2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	5.150.000.000	-
- Cổ phiếu	5.150.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn khác	19.371.727.700	3.096.300.600
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	10.000.000.000	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	9.371.727.700	3.096.300.600
Cộng	24.521.727.700	3.096.300.600

### 3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng giao dịch bằng VND	17.768.015.712	22.166.657.772
Khách hàng giao dịch bằng ngoại tệ	82.928.869.651	63.197.804.138
Cộng	100.696.885.363	85.364.461.910

### 4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng giao dịch bằng VND	34.226.011.951	1.583.774.480
Khách hàng giao dịch bằng ngoại tệ	29.607.440	867.953.243
Cộng	34.255.619.391	2.451.727.723

### 5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền, vật tư, hàng hóa cho mượn	50.000.000	-
Các khoản phải thu khác	993.672.737	371.354.410
Cộng	1.043.672.737	371.354.410

### 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(175.780.349)	(124.709.466)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	(89.053.731)	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(56.726.618)	(124.709.466)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(30.000.000)	-
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	(175.780.349)	(124.709.466)



## 7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	8.674.905.351	6.938.384.713
Công cụ, dụng cụ	3.560.544.709	320.302.641
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.808.640.752	1.238.395.654
Thành phẩm	82.820.165.779	50.373.560.876
Hàng hóa	1.635.307.969	468.908.117
Cộng	102.499.564.560	59.339.552.001

## 8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bao bì	22.191.130	22.191.130
Thành phẩm nội địa	4.006.090.816	3.771.978.185
Thành phẩm xuất khẩu	1.872.469.862	1.181.121.219
Cộng	5.900.751.808	4.975.290.534

## 9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	200.487.942	3.010.927.890	2.313.610.220	-	897.805.612
Bảo hiểm	94.472.251	175.280.664	190.176.232	-	79.576.683
Khám sức khỏe định kỳ	79.941.250	122.756.000	126.001.250	-	76.696.000
Chi phí sửa chữa	97.666.408	857.924.548	944.167.874	-	11.423.082
Tiền thuê nhà	72.000.000	110.421.600	182.421.600	-	-
Cộng	544.567.851	4.277.310.702	3.756.377.176	-	1.065.501.377

## 10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	48.128.108	48.041.642
Thuế thu nhập cá nhân	-	24.883.490
Cộng	48.128.108	72.925.132

## 11. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	1.358.476.159	291.789.122
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	111.401.211	249.104.150
Tài sản thiếu chờ xử lý	100.896.661	755.916.077
Cộng	1.570.774.031	1.296.809.349

## 12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	32.756.830.357	99.164.531.173	4.459.167.646	1.062.469.842	59.506.935	137.502.505.953
Tăng trong năm	10.429.854.392	1.708.646.358	3.867.974.088	550.369.843	-	16.556.844.681
Mua sắm mới	10.429.854.392	1.708.646.358	3.867.974.088	550.369.843	-	16.556.844.681
Giảm trong năm	(1.053.655.521)	(1.219.165.855)	(385.019.186)	-	-	(2.657.840.562)
Thanh lý, nhượng bán	(1.053.655.521)	(1.219.165.855)	(385.019.186)	-	-	(2.657.840.562)
Số cuối năm	42.133.029.228	99.654.011.676	7.942.122.548	1.612.839.685	59.506.935	151.401.510.072
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.182.804.769	12.157.261.832	299.324.091	579.484.761	39.135.935	19.258.011.388
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	14.916.422.570	34.225.939.697	1.532.127.443	794.114.275	46.096.031	51.514.700.016
Tăng trong năm	2.503.711.991	9.641.532.175	791.168.361	229.888.678	4.074.204	13.170.375.409
Khấu hao trong năm	2.503.711.991	9.641.532.175	791.168.361	229.888.678	4.074.204	13.170.375.409
Giảm trong năm	(395.313.437)	(387.777.344)	(197.439.885)	-	-	(980.530.666)
Thanh lý, nhượng bán	(395.313.437)	(387.777.344)	(197.439.885)	-	-	(980.530.666)
Số cuối năm	17.024.821.124	43.479.694.528	2.125.855.919	1.024.002.953	50.170.235	63.704.544.759
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	17.840.407.787	64.938.591.476	2.927.040.203	268.355.567	13.410.904	85.987.805.937
Số cuối năm	25.108.208.104	56.174.317.148	5.816.266.629	588.836.732	9.336.700	87.696.965.313
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng		628.794.947				628.794.947
Đang chờ thanh lý	4.970.489	516.634.455				521.604.944

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 18.734.977.119 VND và 7.653.560.440 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Phát triển An Giang cho đầu tư xây dựng nhà máy F1.

## 13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.956.795.251	148.700.000	3.105.495.251
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	2.956.795.251	148.700.000	3.105.495.251
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	238.527.790	39.653.328	278.181.118
Tăng trong năm	2.063.669	29.739.996	31.803.665
Khấu hao trong năm	2.063.669	29.739.996	31.803.665
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	240.591.459	69.393.324	309.984.783
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.718.267.461	109.046.672	2.827.314.133
Số cuối năm	2.716.203.792	79.306.676	2.795.510.468

#### 14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua nhà làm trụ sở chi nhánh tại TPHCM	6.377.544.000	11.263.911.601	8.248.455.601	-	9.393.000.000
Mua quyền sử dụng đất	-	21.667.000.851	-	-	21.667.000.851
Máy móc thiết bị và XDCB XN Agi - Seafood	-	53.286.208.499	-	-	53.286.208.499
Máy móc thiết bị và XDCB kho lạnh 3.000 tấn	-	6.307.824.925	-	6.266.667	6.301.558.258
Cải tạo mở rộng XN chế biến thực phẩm	-	2.196.433.994	-	-	2.196.433.994
Sửa chữa lớn hệ thống lạnh kho 500 tấn	257.903.455	49.410.000	-	307.313.455	-
Xây dựng cơ bản dở dang khác	43.300.000	9.758.732.978	5.814.189.016	295.891.211	3.691.952.751
Sửa chữa lớn khác	64.570.267	386.207.143	-	379.843.346	70.934.064
<b>Cộng</b>	<b>6.743.317.722</b>	<b>104.915.729.991</b>	<b>14.062.644.617</b>	<b>989.314.679</b>	<b>96.607.088.417</b>

#### 15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán dài hạn	100.000.000	100.000.000

Đây là công trái xây dựng tổ quốc, thời hạn là 5 năm (đáo hạn 16/5/2008), lãi suất là 8%/năm.

#### 16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	1.453.359.480	-	993.944.027	89.635.723	369.779.730
Tiền thuê cư xá Sao Mai	-	1.612.800.000	67.200.000	-	1.545.600.000
<b>Cộng</b>	<b>1.453.359.480</b>	<b>1.612.800.000</b>	<b>1.061.144.027</b>	<b>89.635.723</b>	<b>1.915.379.730</b>

#### 17. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn	4.275.000.000	3.750.000.000

Chủ yếu là khoản tiền gửi tại Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển tỉnh An Giang để thế chấp cho khoản vay 12,5 tỷ theo Hợp đồng tín dụng số 06/HTPT.TĐĐP2004 ngày 15/4/2004.

#### 18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	103.206.343.306	63.691.030.125
Ngân hàng ngoại thương - chi nhánh An Giang <sup>(1)</sup>	67.002.636.223	44.577.500.000
Ngân hàng phát triển - chi nhánh An Giang <sup>(2)</sup>	7.750.000.000	-
Ngân hàng Indovina - chi nhánh TP.HCM <sup>(3)</sup>	9.453.707.083	12.113.530.125
Ngân hàng ANZ - chi nhánh TP.HCM <sup>(4)</sup>	19.000.000.000	7.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.45)	10.037.793.105	10.903.664.550
<b>Cộng</b>	<b>113.244.136.411</b>	<b>74.594.694.675</b>

<sup>(1)</sup> Vay của chi nhánh ngân hàng Ngoại thương An Giang để bổ sung vốn lưu động. Hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Thời hạn vay là 3 tháng. Lãi suất là 0,84 %/tháng. Đây là khoản vay tín chấp.

<sup>(2)</sup> Vay của chi nhánh ngân hàng Phát triển An Giang nhằm mua nguyên liệu chế biến hàng xuất khẩu. Thời hạn vay là 45 – 50 ngày. Lãi suất là 0,52 %/tháng. Đây là khoản vay tín chấp.

<sup>(3)</sup> Vay của ngân hàng Indovina – chi nhánh TP.HCM, với hạn mức là 20 tỷ đồng hoặc 1 triệu USD. Lãi suất là Sibor (6 tháng)+2%/tháng đối với USD, hoặc lãi suất kỳ hạn 12 tháng+0,12%/tháng. Đây là khoản vay tín chấp.

<sup>(4)</sup> Vay của ngân hàng ANZ – chi nhánh TP.HCM, với hạn mức là 3 triệu USD. Thời hạn vay từ 1 – 3 tháng. Lãi suất Sibor + 1,6%/năm đối với USD và Lãi suất cơ bản + 1,5%/năm đối với VND. Đây là khoản vay tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	63.691.030.125	10.903.664.550	74.594.694.675
Số tiền vay phát sinh trong năm	566.960.387.752	-	566.960.387.752
Số kết chuyển	-	10.037.793.105	10.037.793.105
Tăng khác	135.068.721	48.833.681	183.902.402
Số tiền vay đã trả trong năm	(527.557.187.292)	(10.884.496.856)	(538.441.684.148)
Giảm khác	(22.956.000)	(68.001.375)	(90.957.375)
Số cuối năm	103.206.343.306	10.037.793.105	113.244.136.411

## 19. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng giao dịch bằng VND	18.361.330.769	31.229.620.117
Khách hàng giao dịch bằng ngoại tệ	6.905.465.523	5.838.964.383
Cộng	25.266.796.292	37.068.584.500

## 20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	561.578.214	1.917.258.845	2.266.069.891	212.767.168
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	162.377.132	7.479.542.550	7.253.548.966	388.370.716
Thuế tiêu thu đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	21.834.368	592.137.963	599.107.581	14.864.750
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.352.357.671	4.055.367.624	4.990.047.860	1.417.677.435
Thuế thu nhập cá nhân	110.107.308	1.436.778.381	920.252.671	626.633.018
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất	-	-	-	-
Tiền thuê đất	-	145.500	145.500	-
Các loại thuế khác	-	123.586.684	123.586.684	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	46.080.347	(46.080.347)	-	-
Cộng	3.254.335.040	15.558.737.200	16.152.759.153	2.660.313.087

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.13)

### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

Hàng xuất khẩu	0 %
Thức ăn gia cầm, phụ phẩm, cá phi lê	5 %
Hàng thực phẩm chế biến bán trong nước	10 %

### Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

### Thuế thu nhập doanh nghiệp Xem thuyết minh số IV.24.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50.670.277.168	25.548.945.370
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng		-
Các khoản điều chỉnh giảm	(640.724.274)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	50.029.552.894	25.548.945.370
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	10.005.910.579	6.387.236.343
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước (*)	(948.670.787)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(5.002.955.290)	(3.193.618.170)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.054.284.502	3.193.618.170

(\*) Khoản chênh lệch về thuế suất được ưu đãi trong 2 năm 2004 & 2005 được điều chỉnh vào chi phí thuế trong năm 2006, với số tiền là 1.155.593.384 đồng.

### Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### 21. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả công nhân viên	3.348.538.925	2.140.408.396
Phải trả người lao động khác	14.545.082.079	5.377.207.245
Cộng	17.893.621.004	7.517.615.641

#### 22. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương công nhật	1.848.930.469	1.163.096.882
Tiền ăn ca	48.843.600	57.380.000
Chi phí giao nhận	-	347.506.250
Chi phí vận chuyển	-	130.000.000

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê luật sư	1.906.916.271	2.202.880.000
Chi phí sửa chữa	342.931.371	162.148.748
Hoa hồng môi giới	799.858.705	484.107.465
Chi phí khuyến mãi cuối năm	185.889.764	
Chi phí khác	128.876.100	92.800.425
Cộng	5.262.246.280	4.639.919.770

### 23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	241.887.570	633.728.798
Bảo hiểm xã hội	1.073.055.176	429.686.831
Bảo hiểm y tế	113.418.837	24.528.700
Kinh phí công đoàn	17.000.810	25.729.304
Các khoản phải trả khác	613.176.746	2.218.778.574
Cộng	2.058.539.139	3.332.452.207

### 24. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	993.275.164	10.936.116.043
Vay của chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển An Giang gồm 5 Hợp đồng vay với mục đích đầu tư tài sản cố định. Thời hạn vay từ 5 năm – 6 năm. Lãi suất là 5,4%/năm. Thế chấp bằng tiền gửi (xem thuyết minh số 9) & tài sản cố định.	993.275.164	8.954.111.180
Vay bằng USD của chi nhánh ngân hàng ngoại thương An Giang nhằm nhập thiết bị lạnh. Thời hạn vay là 48 tháng. Lãi suất là 3,2%/năm. Vay tín chấp.	-	1.982.004.863
Cộng	993.275.164	10.936.116.043

#### Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	-
Trên 1 năm đến 5 năm	993.275.164
Trên 5 năm	-
Tổng nợ	993.275.164

#### Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	Số đầu năm	Tăng khác	Số tiền vay đã trả trong năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ phát triển An Giang	8.954.111.180	-	-	(7.960.836.016)	993.275.164
Ngân hàng Ngoại thương – CN An Giang	1.982.004.863	94.952.226	-	(2.076.957.089)	-
Cộng	10.936.116.043	94.952.226	-	(10.037.793.105)	993.275.164

### 25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	263.898.441
Số trích lập trong năm	260.110.650
Tăng khác	-
Số chi trong năm	(101.008.191)
Giảm khác	-
Số cuối năm	423.000.900



## 26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	2.089.565.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	4.732.546.800
Cộng	6.822.111.800

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.887.578	4.179.130
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	7.887.578	4.179.130
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	7.887.578	4.179.130
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	7.887.578	4.179.130
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.

Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

## 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tang khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.243.471.847	441.012.647	698.100.000	999.115.700	2.383.468.794
Quỹ phúc lợi	(734.296.662)	759.008.431		1.163.324.672	(1.138.612.903)
Cộng	1.509.175.185	2.162.440.372	698.100.000	2.162.440.372	1.244.855.891

## 8. Nợ khó đòi đã xử lý

Số đầu năm	2.860.445.208
Nợ khó đòi đã xử lý trong năm	-
Tăng khác	-
Nợ khó đòi đã được thu hồi được trong năm	-
Giảm khác	-
Số cuối năm	2.860.445.208

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.196.462.671.902	830.979.006.414
- Doanh thu bán hàng hóa	213.641.443.295	166.683.042.857
- Doanh thu bán thành phẩm	978.119.211.057	660.888.807.844
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.702.017.550	3.407.155.713
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(5.556.901.664)	(44.797.121.394)
- Chiết khấu thương mại	(1.771.003)	-
- Giảm giá hàng bán	(148.594.552)	(954.959.885)
- Hàng bán bị trả lại	(5.406.536.109)	(43.842.161.509)
Doanh thu thuần	1.190.905.770.238	786.181.885.020
Trong đó:	-	-
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	211.964.774.233	141.434.049.587
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	974.238.978.455	641.340.679.720
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	4.702.017.550	3.407.155.713

### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	207.795.636.424	542.931.026.343
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	837.023.464.472	136.649.545.655
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.326.209.457	1.210.503.109
Cộng	1.047.145.310.353	680.791.075.107

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.678.979.800	261.386.259
Lãi bán hàng trả chậm	1.065.679.884	514.596.815
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.531.561.248	1.996.624.457
Cho thuê kho	168.394.544	128.173.633
Các khoản khác	8.522.863	4.801.099
Cộng	5.453.138.339	2.905.582.263

### 4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.828.739.190	6.992.046.862
Lỗ chênh lệch tỷ giá	71.977.978	432.783.738
Cộng	6.900.717.168	7.424.830.600

## 5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.179.537.879	2.390.821.532
Chi phí vật liệu, bao bì	3.835.158.765	2.496.569.583
Chi phí khấu hao tài sản cố định	485.744.427	561.851.013
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.121.775.698	48.037.331.837
Chi phí bằng tiền khác	1.912.045.143	2.402.891.656
<b>Cộng</b>	<b>75.534.261.912</b>	<b>55.889.465.621</b>

## 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.816.935.126	10.265.996.990
Chi phí vật liệu, bao bì	706.848.288	739.915.846
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.999.690.693	1.492.662.626
Thuế, phí, lệ phí	12.090.500	14.196.500
Chi phí dự phòng	51.070.883	124.709.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.849.335.153	1.224.830.352
Chi phí bằng tiền khác	6.450.866.318	5.155.482.128
<b>Cộng</b>	<b>15.886.836.961</b>	<b>19.017.793.908</b>

## 7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	865.883.816	1.672.980.417
Các khoản nợ không xác định được chủ	646.610.662	-
Các khoản khác	445.126.695	205.823.734
<b>Cộng</b>	<b>1.957.621.173</b>	<b>1.878.804.151</b>

## 8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	1.685.369.896	1.858.146.975
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	176.616.405
Khấu hao TSCĐ chờ thanh lý	241.686.195	-
Các khoản khác	252.070.097	259.397.448
<b>Cộng</b>	<b>2.179.126.188</b>	<b>2.294.160.828</b>

## 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	46.615.992.666	22.355.327.200
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-

	Năm nay	Năm trước
-Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	(...)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	46.615.992.666	22.355.327.200
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.662.178	4.179.130
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.233	5.349

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.179.130	4.179.130
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 31 tháng 01 năm 2006	191.495	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 12 tháng 7 năm 2006	916.667	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 25 tháng 9 năm 2006	374.886	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.662.178	4.179.130

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
- Giá trị đầu tư thức ăn nuôi cá	18.510.597.500	3.772.602.500
- Thu hồi vốn đầu tư	13.355.347.500	3.467.510.000
- Giá trị mua lại nguyên liệu cá	36.868.944.815	18.833.721.858
Ban điều hành		
- Giá trị đầu tư thức ăn nuôi cá	39.138.337.200	7.982.480.600
- Thu hồi vốn đầu tư	37.785.705.200	6.655.470.500
- Giá trị mua lại nguyên liệu cá	86.107.591.523	46.624.086.911
Các cá nhân có liên quan		
- Giá trị đầu tư thức ăn nuôi cá	13.010.246.000	2.153.498.900
- Thu hồi vốn đầu tư	12.222.642.800	2.115.448.900
- Giá trị mua lại nguyên liệu cá	40.626.379.711	19.118.646.946

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm
Hội đồng quản trị	5.155.250.000
Ban điều hành	1.352.632.000
Các cá nhân có liên quan	787.603.200
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>7.295.485.200</b>
Hội đồng quản trị	1.235.788.969
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>1.235.788.969</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay
Tiền lương và phụ cấp	4.561.619.519
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	43.970.595
<b>Cộng</b>	<b>4.650.590.114</b>

## 2. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót

Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2006 Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005, Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và đã được Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 20/2006/TT- BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 21/2006/TT- BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 như sau:

VAS 11 Hợp nhất kinh doanh

VAS 17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

VAS 18 Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng

VAS 23 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

VAS 27 Báo cáo tài chính giữa niên độ

VAS 28 Báo cáo bộ phận

VAS 29 Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót

VAS 30 Lãi trên cổ phiếu

Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Do áp dụng các Chuẩn mực và Chế độ kế toán trên nên một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính năm nay:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
Bảng cân đối kế toán			
Các khoản phải thu khác	135	912.247.682	371.354.410
Tài sản ngắn hạn khác	158	755.916.077	1.296.809.349
Phải thu dài hạn khác	218	3.750.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	268	-	3.750.000.000
Chi phí phải trả	316	4.903.818.211	4.639.919.770
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	263.898.441
Cộng		10.321.981.970	10.321.981.970

### 3. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm
Từ 1 năm trở xuống	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-
Trên 5 năm: (HĐ thuê cư xá Sao Mai – ngày hết hạn 30/11/2016. Tổng trị giá HĐ: 9.504.000.000 đ )	7.891.200000
Cộng	7.891.200000

### 4. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	58,70	59,92
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	41,30	40,08
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	35,87	59,56
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	64,13	40,44
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,79	1,68
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,65	1,09
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,08	0,01

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	4,25	3,25
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	3,91	2,84
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	10,82	10,15
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	9,95	8,88
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	15,52	22,30

Long Xuyên, ngày 26 tháng 01 năm 2007

  
 Nguyễn Văn Triều  
 Người lập biểu

  
 Võ Thành Thông  
 Kế toán trưởng

  
  
 Ngô Phước Hậu  
 Tổng Giám đốc

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		274,879,281,482	150,771,452,849
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12,961,401,109	1,789,379,719
1. Tiền	111		12,961,401,109	1,789,379,719
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24,521,727,700	3,096,300,600
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	24,521,727,700	3,096,300,600
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		135,820,397,142	88,062,834,577
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	100,696,885,363	85,364,461,910
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	34,255,619,391	2,451,727,723
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	1,043,672,737	371,354,410
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(175,780,349)	(124,709,466)
IV. Hàng tồn kho	140		96,598,812,752	54,364,261,467
1. Hàng tồn kho	141	V.7	102,499,564,560	59,339,552,001
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(5,900,751,808)	(4,975,290,534)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,976,942,779	3,458,676,486
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	1,065,501,377	544,567,851
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2,292,539,263	1,544,374,154
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	48,128,108	72,925,132
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	1,570,774,031	1,296,809,349

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		193,389,943,928	100,861,797,272
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		187,099,564,198	95,558,437,792
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	87,696,965,313	85,987,805,937
	Nguyên giá	222		151,401,510,072	137,502,505,953
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63,704,544,759)	(51,514,700,016)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.13	2,795,510,468	2,827,314,133
	Nguyên giá	228		3,105,495,251	3,105,495,251
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(309,984,783)	(278,181,118)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	96,607,088,417	6,743,317,722
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	Nguyên giá	241		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		100,000,000	100,000,000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	100,000,000	100,000,000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		6,190,379,730	5,203,359,480
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	1,915,379,730	1,453,359,480
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.17	4,275,000,000	3,750,000,000
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>468,269,225,410</b>	<b>251,633,250,121</b>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A -</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>167,953,623,248</b>	<b>149,864,904,946</b>
I.	Nợ ngắn hạn	310		166,537,347,184	138,664,890,462
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	113,244,136,411	74,594,694,675
2.	Phải trả người bán	312	V.19	25,266,796,292	37,068,584,500
3.	Người mua trả tiền trước	313		103,566,863	8,184,363,497
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	2,708,441,195	3,327,260,172
5.	Phải trả người lao động	315	V.21	17,893,621,004	7,517,615,641
6.	Chi phí phải trả	316	V.22	5,262,246,280	4,639,919,770
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	2,058,539,139	3,332,452,207
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		1,416,276,064	11,200,014,484
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.24	993,275,164	10,936,116,043
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	423,000,900	263,898,441
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B -</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>300,315,602,162</b>	<b>101,768,345,175</b>
I.	Vốn chủ sở hữu	410		298,959,746,271	100,249,169,990
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	78,875,780,000	41,791,300,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	124,711,953,400	1,876,196,700
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	53,477,382,321	37,779,240,358
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	3,801,742,374	2,852,981,835
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	36,584,160,625	15,705,601,097
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	V.26	1,508,727,551	243,850,000
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1,355,855,891	1,519,175,185
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.27	1,244,855,891	1,509,175,185
2.	Nguồn kinh phí	432		111,000,000	10,000,000
3.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>468,269,225,410</b>	<b>251,633,250,121</b>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý	V.28	2,860,445,208	2,860,445,208
5.	Ngoại tệ các loại:			
	Dollar Mỹ (USD)		618,092.16	15,384.18
	Euro (EUR)		6,464.00	-
	Dollar Singapore (SGD)		-	-
	Yên Nhật (¥)		-	-
	Dollar Úc (AUD)		-	-
	Bảng Anh (£)		-	-
	Dollar Canada (CAD)		-	-
	...		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Long Xuyên, ngày 26 tháng 01 năm 2007



Nguyễn Văn Triều  
Người lập biểu



Võ Thành Thông  
Kế toán trưởng



Ngô Phước Hậu  
Tổng Giám đốc

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## Năm 2006

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,196,462,671,902	830,979,006,414
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	5,556,901,664	44,797,121,394
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,190,905,770,238	786,181,885,020
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,047,145,310,353	680,791,075,107
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		143,760,459,885	105,390,809,913
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5,453,138,339	2,905,582,263
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	6,900,717,168	7,424,830,600
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		6,828,739,190	6,992,046,862
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.5	75,534,261,912	55,889,465,621
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	15,886,836,961	19,017,793,908
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		50,891,782,183	25,964,302,047
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	1,957,621,173	1,878,804,151
12.	Chi phí khác	32	VI.8	2,179,126,188	2,294,160,828
13.	Lợi nhuận khác	40		(221,505,015)	(415,356,677)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50,670,277,168	25,548,945,370
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	4,054,284,502	3,193,618,170
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		46,615,992,666	22,355,327,200
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	8,233	5,349

Long Xuyên, ngày 26 tháng 01 năm 2007



Nguyễn Văn Triều  
Người lập biểu



Võ Thành Thông  
Kế toán trưởng



Ngô Phước Hậu  
Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp) Năm 2006

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		50,670,277,168	25,548,945,370
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		13,202,179,074	12,025,467,393
- Các khoản dự phòng	03		1,153,610,005	5,100,000,000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		811,426,080	1,723,169,411
- Chi phí lãi vay	06		6,828,739,190	6,992,046,862
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				
trước thay đổi vốn lưu động	08		72,666,231,517	51,389,629,036
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(47,985,711,296)	75,804,454,250
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(43,160,012,559)	7,290,134,608
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(9,683,202,319)	(11,682,962,496)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(982,953,776)	1,475,208,032
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6,828,739,190)	(6,992,046,862)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4,990,047,860)	(3,425,609,251)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(156,455,216)	195,410,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2,531,655,008)	(1,618,425,768)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(43,652,545,707)	112,435,791,549
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(106,420,615,376)	(26,561,325,086)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		865,883,816	676,928,895
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(125,634,650,400)	(3,096,300,600)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		104,209,223,300	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(126,980,158,660)	(28,980,696,791)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

## Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		159,920,236,700	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		567,239,242,380	453,097,289,596
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		538,532,641,523)	(528,517,414,878)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6,822,111,800)	(7,164,633,563)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		181,804,725,757	(82,584,758,845)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		11,172,021,390	870,335,913
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1,789,379,719	919,043,806
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	12,961,401,109	1,789,379,719

## Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số đầu năm trước	55,584,052,951	1,876,196,700	12,637,201,555	2,082,761,075	14,368,427,361	-	86,548,639,642
Tăng (Giảm) vốn năm trước	(13,792,752,951)	-	13,792,752,951	-	-	243,850,000	243,850,000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	22,355,327,200	-	22,355,327,200
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	11,349,285,852	770,220,760	(13,659,948,132)	-	(1,540,441,520)
Chi thù lao HĐQT	-	-	-	-	(193,571,769)	-	(193,571,769)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(7,164,633,563)	-	(7,164,633,563)
Số dư cuối năm trước	41,791,300,000	1,876,196,700	37,779,240,358	2,852,981,835	15,705,601,097	243,850,000	100,249,169,990
Số dư đầu năm nay	41,791,300,000	1,876,196,700	37,779,240,358	2,852,981,835	15,705,601,097	243,850,000	100,249,169,990
Tăng (Giảm) vốn năm nay	37,084,480,000	122,835,756,700	-	-	-	1,264,877,551	161,185,114,251
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	46,615,992,666	-	46,615,992,666
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	15,698,141,963	948,760,539	(18,544,423,580)	-	(1,897,521,078)
Chi thù lao HĐQT và khác	-	-	-	-	(370,897,758)	-	(370,897,758)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	(6,822,111,800)	-	(6,822,111,800)
Số dư cuối năm nay	78,875,780,000	124,711,953,400	53,477,382,321	3,801,742,374	36,584,160,625	1,508,727,551	298,959,746,271



# Basa Cuộn Hoa Hồng

ROSE - SHAPED PANGASIUUS





Chạo Basa  
BASA FISH PASTE